

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài.

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng, mỗi quá trình: Vốn và nguồn, tăng và giảm.

Xuất phát từ vị trí và tầm quan trọng của công tác quản lý và hạch toán vốn bằng tiền kết hợp với việc tìm hiểu thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng, trên cơ sở những kiến thức đã học trong nhà trường cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của giảng viên PGS – TS Thịnh Văn Vinh và các cô chú cán bộ phòng kế toán, em xin chọn đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Hưng Đạo Container - Chi nhánh Hải Phòng”**.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

Việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

**3. Nội dung nghiên cứu của đề tài.**

- Về mặt lý luận: Hệ thống hoá những lý luận cơ bản về kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng.

- Đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty.

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.**

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác hạch toán kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng.

- Phạm vi nghiên cứu:

+Không gian: Đề tài được thực hiện tại Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo Container Hải Phòng.

+Việc phân tích được lấy từ số liệu năm 2009

**5. Nội dung kết cấu của đề tài.**

Bài luận văn này ngoài Lời mở đầu và Kết luận, gồm 3 phần chính:

- ***Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền.***
- ***Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng.***
- ***Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng.***

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.

#### 1.1 Tổng quát về vốn bằng tiền.

##### 1.1.1 Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền.

Trong nền kinh tế hiện đại ngày nay, khi đề cập đến tiền tệ người ta không nhìn nó một cách hạn hẹp và đơn giản rằng tiền tệ chỉ là kim loại hay tiền giấy mà người ta đã xem xét tiền tệ ở một góc độ rộng lớn hơn cả các loại séc; sử dụng tiền gửi, thanh toán bằng thẻ ...nếu chúng có thể chuyển đổi dễ dàng thành tiền mặt thì cũng có thể xem là tiền.

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực do đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

Theo hình thái tài sản vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam đồng: Đây là loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: đô la Mỹ (USD), đồng bảng Anh (GBP), đồng phrăng Pháp (FFr), đồng Yên Nhật (JPY), đồng đô la Hồng Kông (HKD), ...

- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu giữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Theo trách nhiệm quản lý tiền vốn có:

- Tiền mặt tại quỹ (TK111): Gồm giấy bạc Việt Nam; ngoại tệ; vàng bạc, kim khí quý, đá quý, hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng (TK112): Là tiền Việt Nam; ngoại tệ; vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

- Tiền đang chuyển (TK113): Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

### **1.1.2 Đặc điểm vốn bằng tiền, nguyên tắc quản lý, vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.**

#### ***1.1.2.1 Đặc điểm của vốn bằng tiền.***

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những nguyên nhân và là trở ngại kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp.

Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự mất mát hoặc lạm dụng là rất quan trọng, đó đòi hỏi việc sử dụng cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

#### ***1.1.2.2 Nguyên tắc quản lý.***

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nguyên tắc sau:

- Tôn trọng nguyên tắc bất kiêm nhiệm giữa 2 nhiệm vụ giữ tiền và lập chứng từ, ghi sổ kế toán tiền mặt.

- Ghi thu, chi tiền mặt, TGNH phải có chứng từ tiền mặt, TGNH hợp lý, hợp pháp.

- Chỉ dùng tiền mặt cho nghiệp vụ chi thường xuyên, tập trung quản lý tiền và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng thương mại và kho bạc Nhà nước.

- Đối chiếu, điều chỉnh số dư tiền mặt, TGNH phải thực hiện thường xuyên trong kỳ.

### *1.1.2.3 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.*

#### ❖ Vai trò:

- Công tác tổ chức kế toán Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của công tác kế toán trong các doanh nghiệp, nó sẽ cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác và kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác, phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

- Song song với việc tổ chức kế toán Vốn bằng tiền, chúng ta cũng cần phải chú trọng việc quản lý Vốn bằng tiền một cách chặt chẽ, thường xuyên kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền vì đây là khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp, Vốn bằng tiền là đối tượng có nhiều khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác.

- Việc quản lý Vốn bằng tiền được sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như: Thống kê, phân tích hoạt động kinh tế... Trong đó công tác kế toán là công cụ quản lý quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên liên tục sự thay đổi của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật. Kế toán cung cấp những tài liệu cần thiết về thu chi Vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### ❖ Nhiệm vụ:

- Ghi chép kịp thời thu, chi tiền mặt trên các chứng từ tiền mặt, sổ quỹ và sổ kế toán tiền mặt.

- Ghi chép và đối chiếu số gửi vào, rút ra TGNH trên: chứng từ báo Nợ, báo Có sổ tiền gửi ngân hàng.

- Giám đốc việc thực hiện nguyên tắc quản lý thu, chi tiền mặt và việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phản ánh kịp thời các khoản tiền đang chuyển để tránh thất thoát.

- Thực hiện kịp thời công tác lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo yêu cầu quản lý.

➤ Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu – chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

### ***1.1.2.4 Những quy định phải tôn trọng khi hạch toán vốn bằng tiền.***

- Hạch toán Vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ Tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 112 hoặc TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước - Xuất trước; Nhập sau - Xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt).

- Nhóm tài khoản Vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu, chi phí tài chính ( Nếu phát sinh trong giai đoạn SXKD, kể cả doanh nghiệp SXKD có hoạt động đầu tư XDCCB) hoặc phản ánh vào TK 413 ( Nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCCB – giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các TK vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

- Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản Vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý,

đá quý được tính theo giá thực tế (Giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho.

### **1.2 Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.**

#### **1.2.1 Luân chuyển chứng từ.**

Để thu thập thông tin đầy đủ, chính xác về trạng thái và biến động của tài sản cụ thể nhằm phục vụ kịp thời ban lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kinh doanh của doanh nghiệp và làm căn cứ ghi sổ kế toán, cần thiết phải sử dụng chứng từ kế toán.

Chứng từ kế toán là những phương tiện chứng minh bằng văn bản cụ thể tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mọi hoạt động kinh tế tài chính trong doanh nghiệp đều phải lập chứng từ hợp lệ chứng minh theo đúng mẫu và phương pháp tính toán, nội dung ghi chép quy định. Một chứng từ hợp lệ cần chứa đựng tất cả các chỉ tiêu đặc trưng cho nghiệp vụ kinh tế đó về nội dung, quy mô, thời gian và địa điểm xảy ra nghiệp vụ cũng như người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ, người lập chứng từ ...

Cũng như các loại chứng từ phát sinh khác, chứng từ theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền luôn thường xuyên vận động. Sự vận động hay sự luân chuyển đó được xác định bởi khâu sau:

- Tạo lập chứng từ: Do hoạt động kinh tế diễn ra thường xuyên và hết sức đa dạng nên chứng từ sử dụng để phản ánh cũng mang nhiều nội dung, đặc điểm khác nhau. Bởi vậy, tùy theo nội dung kinh tế, theo yêu cầu của quản lý là phiếu thu, phiếu chi ... mà sử dụng một chứng từ thích hợp. Chứng từ phải lập theo mẫu Nhà nước quy định và có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan.

- Kiểm tra chứng từ: Khi nhận được chứng từ phải kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, hợp lý của chứng từ: Các yếu tố phát sinh chứng từ, chữ ký của người có liên quan, tính chính xác của số liệu trên chứng từ. Chỉ sau khi chứng từ được kiểm tra nó mới được sử dụng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

- Sử dụng chứng từ cho kế toán nghiệp vụ và ghi sổ kế toán: Cung cấp nhanh thông tin cho người quản lý phân hành này:

- + Phân loại chứng từ theo từng loại tiền, tính chất, địa điểm phát sinh phù hợp với yêu cầu ghi sổ kế toán.

- + Lập định khoản và ghi sổ kế toán chứng từ đó.
- Bảo quản và sử dụng lại chứng từ trong kỳ hạch toán: Trong kỳ hạch toán, chứng từ sau khi ghi sổ kế toán phải được bảo quản và có thể tái sử dụng để kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.
- Lưu trữ chứng từ: Chứng từ vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán, vừa là tài liệu lịch sử kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi ghi sổ và kết thúc kỳ hạch toán, chứng từ được chuyển sang lưu trữ theo nguyên tắc:
  - + Chứng từ không bị mất.
  - + Khi cần có thể tìm lại được nhanh chóng.
  - + Khi hết thời hạn lưu trữ, chứng từ sẽ được đưa ra hủy.

### **1.2.2 Kế toán tiền mặt tại quỹ.**

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp gồm: Giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim khí quý, đá quý...

Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu – chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Pháp lệnh kế toán quy định thủ quỹ không được trực tiếp mua, bán hàng hóa, vật tư; kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

#### **1.2.2.1 Chứng từ, sổ sách sử dụng để kế toán tiền mặt.**

- Việc thu – chi tiền tại quỹ phải có lệnh thu, lệnh chi. Lệnh thu, lệnh chi phải có chữ ký của Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, lệnh chi kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi.

- Phiếu thu (hoặc Phiếu chi): Do kế toán lập từ 2 đến 3 liên (đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu quy định), sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên, chuyển cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị) một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền.

- Thủ quỹ khi nhận được phiếu thu, phiếu chi sẽ tiến hành thu, chi theo các chứng từ đó. Khi thu, chi thủ quỹ ký tên và đóng dấu “đã thu tiền”, “đã chi tiền” lên các phiếu thu và phiếu chi.



- Sau đó thủ quỹ sử dụng phiếu thu, phiếu chi để ghi vào sổ quỹ kiêm báo cáo quỹ rồi nộp báo cáo quỹ và các chứng từ kèm theo cho kế toán viên.

- Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ có liên quan kế toán xác định nội dung thu, chi để định khoản và ghi sổ kế toán.

- Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng quyển và phải ghi số từng quyển dùng trong một năm. Trong quyển Phiếu thu (phiếu chi) số của từng Phiếu thu (phiếu chi) phải đánh liên tục trong một kỳ kế toán.

- Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm theo: Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, biên lai thu tiền, hóa đơn bán hàng, bảng kê chi tiền ...

- Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi (nhập, xuất) tiền mặt, tính ra số tồn quỹ vào cuối ngày.

- “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S07a – DN tương tự Sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác là có thêm cột F “Tài khoản đối ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có TK 111 - Tiền mặt

- Ngoài ra, các sổ sách sử dụng để hạch toán chi tiết tiền mặt còn gồm có: Sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền (đối với hình thức kế toán nhật ký chung) hay các bảng kê chi tiết, sổ chi tiết các tài khoản liên quan....

### ***1.2.2.2 Tài khoản sử dụng và nguyên tắc hạch toán.***

❖ Tài khoản sử dụng là TK 111: “Tiền mặt”.

❖ Tài khoản 111 có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 1111 – Tiền Việt Nam: phản ánh tình hình thu, chi, thừa, thiếu, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- TK 1112 – Ngoại tệ: phản ánh tình hình thu, chi, thừa, thiếu, điều chỉnh tỷ giá hối đoái, tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt quy đổi theo đồng Việt Nam.

## Khóa luận tốt nghiệp

- TK 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, thừa, thiếu, tồn quỹ tiền mặt.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

### TK 111

<b>Bên Nợ</b>	<b>Bên Có</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.</li><li>- Số tiền mặt thừa ở quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê.</li><li>- Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng khi điều chỉnh tỷ giá.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.</li><li>- Số tiền mặt thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.</li><li>- Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm khi điều chỉnh tỷ giá.</li></ul>
<b>Số dư Nợ</b>	
Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ tiền mặt.	

❖ Cơ sở pháp lý để ghi Nợ TK 111 là các phiếu thu, còn cơ sở để ghi Có TK 111 là các phiếu chi.

❖ **Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ - TK 111:**

- Chi phản ánh vào TK 111 số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thực tế nhập, xuất quỹ. Đối với các khoản tiền thu được (chuyển nộp ngay vào Ngân hàng không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ của tài khoản 111 mà ghi vào bên Nợ TK 111 – Tiền đang chuyển.

- Những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

- Các khoản tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý do đơn vị hoặc cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân, đo, đong, đếm số lượng, trọng lượng và giám định chất lượng; sau đó tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

- Khi tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ phải có phiếu thu, phiếu chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất, nhập quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán.

- Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý; tính ra số tiền tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược phải theo dõi riêng trên một sổ hoặc trên một phần sổ.

- Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm giữ gìn, bảo quản và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ. Hàng ngày, thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải tự kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý.

### ***1.2.2.3 Kế toán khoản thu – chi bằng tiền Việt Nam.***

- Thu tiền mặt nhập quỹ: Dựa vào phiếu thu và các chứng từ có liên quan để kế toán xác định nội dung thu, từ đó xác định tài khoản ghi Có, đối ứng với Nợ TK 111, ghi:

Nợ TK 111(1111): Thu tiền mặt nhập quỹ

Có TK 511,512: Doanh thu bán hàng

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 333(3331): Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp khấu trừ)

Có TK 711: Thu nhập khác

Có TK 1121 (chi tiết từng ngân hàng): Rút TGNH về nhập quỹ

Có TK 131, 136, 138, 141: Thu hồi các khoản nợ

Có TK 411: Nhận vốn kinh doanh

Có TK 338: Tiền thừa phát hiện khi kiểm kê

Có TK 311, 341: Vay ngắn, dài hạn.

- Chi tiêu tiền mặt tại quỹ: căn cứ vào phiếu chi và các chứng từ có liên quan, kế toán xác định nội dung chi tiền mặt, từ đó xác định tài khoản ghi Nợ đối ứng với Có TK 111, ghi:

Nợ TK 1121 (chi tiết cho từng ngân hàng): Nộp vào tài khoản TGNH

Nợ TK 211, 212: Mua sắm TSCĐ

Nợ TK 241: Chi cho công tác XDCB

Nợ TK 152: Mua nguyên vật liệu

Nợ TK 133: Chi trả thuế GTGT đầu vào theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 311, 331, 334, 338, 341: Thanh toán các khoản nợ phải trả

Nợ TK 138: Tiền mặt thiếu khi kiểm kê

Có TK 111(1111): Số chi tiêu tiền mặt tại quỹ

#### **1.2.2.4 Kế toán các khoản thu – chi ngoại tệ tại quỹ.**

- Tiền mặt bằng ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại”.

- Trong năm tài chính, một nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định như sau:

✓ Tỷ giá giao dịch: (là tỷ giá thực tế phát sinh hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng NN Việt Nam công bố) được sử dụng để hạch toán các tài khoản doanh thu, thu nhập, chi phí, hàng tồn kho, tài sản cố định.

+ Hạch toán bên Nợ tài khoản tiền bằng ngoại tệ (TK 1112, TK1122, TK 1132).

+ Hạch toán bên Nợ tài khoản phải thu bằng ngoại tệ.

+ Hạch toán bên Có tài khoản phải trả bằng ngoại tệ.

✓ Tỷ giá ghi sổ: (tỷ giá xuất ngoại tệ được tính theo 1 trong 4 phương pháp: bình quân gia quyền, NTXT, NSXT, thực tế đích danh) được sử dụng để hạch toán bên Có tài khoản tiền bằng ngoại tệ.

✓ Tỷ giá ghi sổ: (tỷ giá ghi nhận nợ) được sử dụng để hạch toán bên Nợ tài khoản phải trả và bên Có tài khoản phải thu bằng ngoại tệ.

- Kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ trên các tài khoản vốn bằng tiền, nợ phải thu, phải trả ...theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Số chênh lệch do đánh giá lại được hạch toán vào TK 413. Kết chuyển toàn bộ số chênh lệch do đánh giá lại cuối năm tài chính của hoạt động kinh doanh (số thuần) vào TK 635 (nếu lỗ TGHD) hoặc vào TK 515 (nếu lãi TGHD).

✓ Kết cấu tài khoản 007: Ngoại tệ các loại

Bên Nợ: Ngoại tệ tăng trong kỳ.

Bên Có: Ngoại tệ giảm trong kỳ.

Dư Nợ: Ngoại tệ hiện có.

✓ Kết cấu tài khoản 413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

*Bên Nợ:*

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

*Bên Có:*

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

*Dư Nợ:* Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

*Dư Có:* Chênh lệch tỷ giá còn lại.

- Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413 chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Riêng đối với đơn vị chuyên kinh doanh mua bán ngoại tệ thì các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế

phát sinh. Chênh lệch giữa giá mua thừa tế và giá bán ra của ngoại tệ được hạch toán vào tài khoản 711 – “Thu nhập khác” hoặc TK 811 – “Chi phí khác”.

### **1.2.2.5 Kế toán vàng, bạc, đá quý tại quỹ (1113)**

❖ Nguyên tắc kế toán vàng, bạc, đá quý.

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, và được hạch toán vào TK 1113, dùng làm vật ngang giá chung trong quan hệ mua, bán, trao đổi, thế chấp, ký quỹ, ký cược.

- Giá của vàng, bạc, kim khí quý, đá quý khi mua được tính theo giá mua thực tế (giá thanh toán).

- Giá vốn của vàng, bạc, đá quý khi bán (xuất kho) được tính theo 1 trong 4 phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho.

- Do vàng, bạc; kim khí quý; đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Mọi khoản thanh toán bằng vàng, bạc, đá quý cần phải theo dõi cả về mặt giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải đánh giá lại theo giá thực tế.

❖ Các nghiệp vụ làm tăng vàng, bạc, đá quý tại quỹ.

• **Mua vàng, bạc, đá quý nhập quỹ.**

Nợ TK 111 (1113)

Có TK 111 (1111), 331

Giá thanh toán

• **Bán hàng hóa, dịch vụ thu ngay bằng vàng, bạc, đá quý nhập quỹ.**

Nợ TK 111 (1113): Giá thanh toán thực tế

Có TK 511: Doanh thu chưa có VAT

Có TK 3331: VAT đầu ra

• **Thu hồi nợ cũ có gốc là vàng, bạc, đá quý.**

- Nếu giá thanh toán thực tế lớn hơn giá gốc:

Nợ TK 111 (1113) : Giá thanh toán thực tế

Có TK 131, 138... : Số nợ phải thu theo giá gốc

Có TK 711 : Chênh lệch giữa giá thanh toán và giá gốc

- Nếu giá thanh toán nhỏ hơn giá gốc:

Nợ TK 111 (1113) : Giá thanh toán thực tế  
Nợ TK 811 : Chênh lệch giữa giá thanh toán và giá gốc  
Có TK 131, 138... : Số nợ phải thu theo giá gốc

• **Các trường hợp tăng khác.**

Nợ TK 111 (1113) : Giá thanh toán thực tế  
Có TK 144, 244 : Thu hồi các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược  
Có TK 1388 : Thu hồi các khoản phải thu khác  
Có TK 411 : Nhận VGLD, nhận tặng thưởng...  
Có TK 311 : Vay ngắn hạn bằng vàng, bạc

.....

❖ **Các nghiệp vụ làm giảm vàng, bạc, đá quý tại quỹ.**

• **Chi mua sắm vật tư, hàng hóa... bằng vàng, bạc, đá quý**

- Nếu trị giá mua hàng nhỏ hơn giá gốc vàng, bạc dùng để thanh toán:

Nợ TK 152, 153, 156, ... : Trị giá mua chưa có VAT  
Nợ TK 133 : VAT đầu vào  
Nợ TK 811 : Chênh lệch giữa giá thanh toán và giá gốc  
Có TK 111 (1113) : Giá gốc vàng, bạc, đá quý dùng để thanh toán

- Nếu trị giá mua hàng lớn hơn giá gốc vàng, bạc dùng để thanh toán:

Nợ TK 152, 153, 156... : Trị giá mua chưa có VAT  
Nợ TK 133 : VAT đầu vào  
Có TK 711 : Chênh lệch giữa giá thanh toán và giá gốc  
Có TK 111 (1113): Giá gốc vàng, bạc, đá quý dùng để thanh toán

• **Trả nợ: Trả vay có gốc là vàng, bạc, đá quý.**

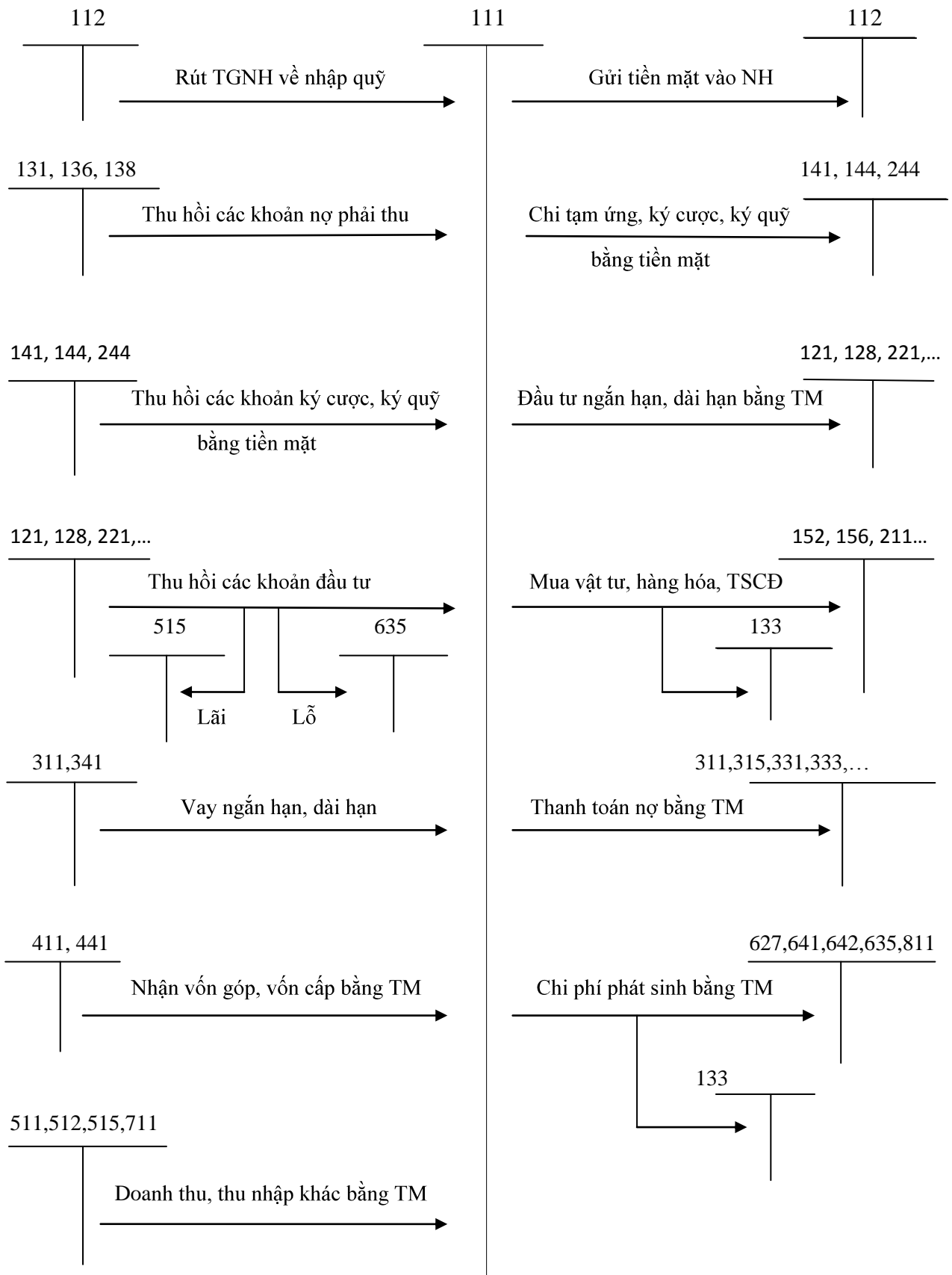
Nợ TK 311, 331, ... : Giá gốc ghi nhận nợ  
Có TK 111 (1113): Giá gốc vàng, bạc dùng để thanh toán

• **Các trường hợp giảm khác.**

Nợ TK 144, 244 : Xuất vàng, bạc, đá quý đi ký cược, ký quỹ  
Nợ TK 344 : Trả lại vàng, bạc, đá quý đã nhận ký quỹ, ký cược  
Nợ TK 411 : Trả lại VGLD  
Nợ TK 111, 112 : Giá bán  
Có TK 111 (1113): Giá gốc vàng, bạc dùng để thanh toán

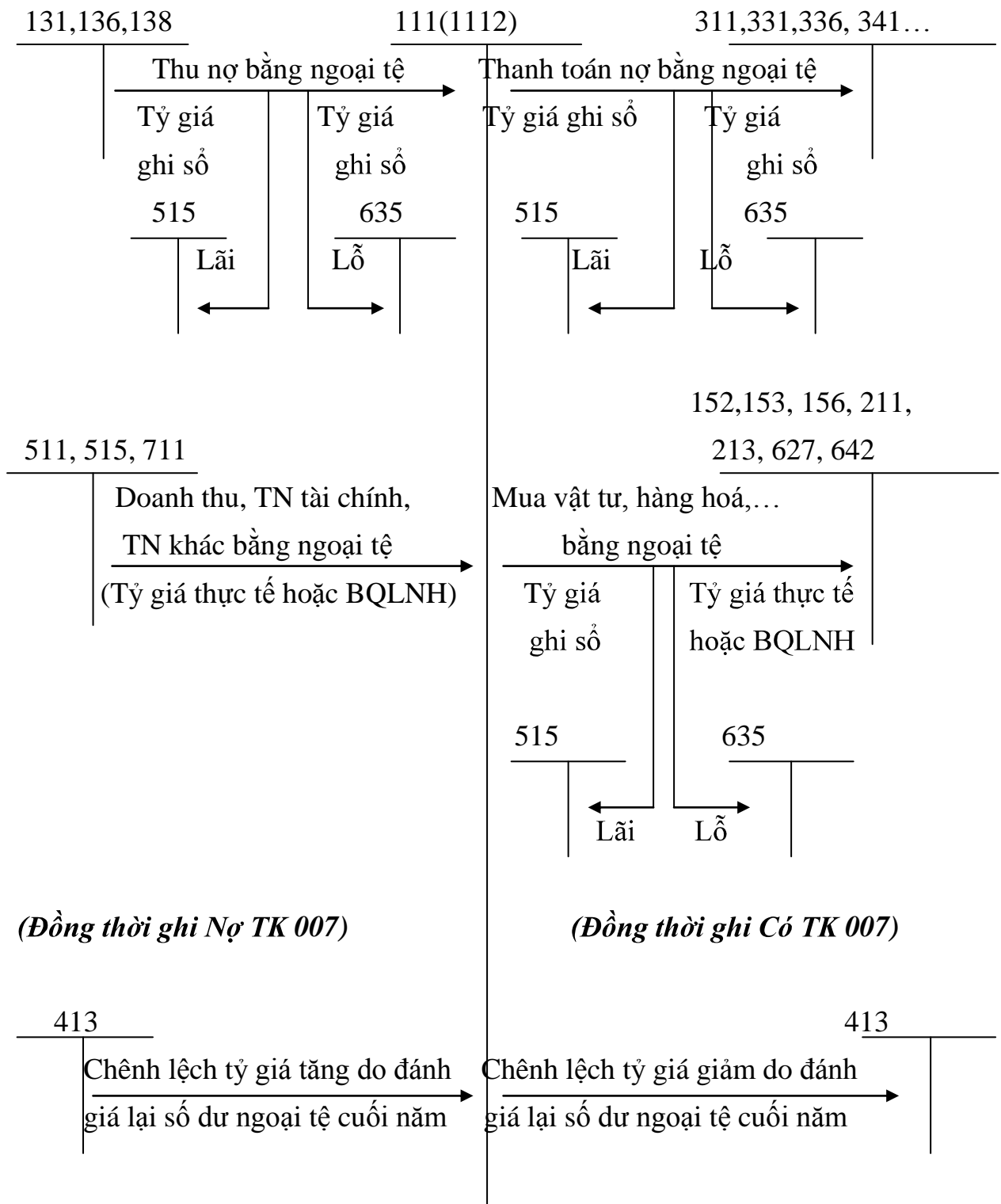
**SƠ ĐỒ TỔNG HỢP THỂ HIỆN QUÁ TRÌNH HẠCH TOÁN**

**THU – CHI TIỀN MẶT (VND)**





**SƠ ĐỒ TỔNG HỢP THỂ HIỆN QUÁ TRÌNH HẠCH TOÁN  
THU – CHI NGOẠI TỆ**



### 1.2.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: Tiền Việt Nam; ngoại tệ; vàng, bạc, kim khí quý, đá quý; trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán kh

ông dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán, đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

#### 1.2.3.1 Tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam.

##### a. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng.

- Giấy báo Nợ, giấy báo Có, bản sao kê của Ngân hàng.
- Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.
- Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, séc bảo chi, biên bản thỏa thuận vay vốn, ...
- Sổ tiền gửi Ngân hàng; sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng VNĐ (S31 – DN); Sổ chi tiết bán hàng; bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng ...

##### b. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản sử dụng là tài khoản 112 – TGNH
- ❖ Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp hai:
  - TK 1121 – Tiền Việt Nam: Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại Ngân hàng.
  - Tk 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại Ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam.
  - TK 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại Ngân hàng.

**Kết cấu của TK 112 như sau:**

**TK 112**

<b>Bên Nợ</b>	<b>Bên Có</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản tiền Việt Nam; ngoại tệ; vàng, bạc, kim khí quý đá quý gửi vào Ngân hàng.</li><li>- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản tiền Việt Nam; ngoại tệ; vàng, bạc, kim khí quý đá quý gửi vào Ngân hàng.</li><li>- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.</li></ul>
<b>Số dư Nợ</b>	
Số tiền Việt Nam; ngoại tệ; vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tại Ngân hàng.	

**c. Nguyên tắc hạch toán TK 112:**

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, giấy báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch ghi vào bên Nợ TK 138 - “Phải thu khác” (Nếu số liệu kế toán cao hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 – “Phải trả, phải nộp khác” (Nếu số liệu kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra đối chiếu, xác minh nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những đơn vị có tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Trường hợp doanh nghiệp mở TK TGNH ở nhiều Ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

### ***1.2.3.2 Tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.***

#### ***a. Nguyên tắc hạch toán.***

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả. Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, NTXT, NSXT, giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư XDCB của doanh nghiệp SXKD có hoạt động đầu tư XDCB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính” (Lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu – chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ

giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132 và của hoạt động SXKD vào TK 4131.

### ***b. Tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán.***

#### ❖ Sổ sách sử dụng.

- Sổ tiền gửi ngân hàng;
- Sổ chi tiết thanh toán người mua, người bán bằng ngoại tệ (S32 – DN);
- Sổ theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ (S33 – DN)...

#### ❖ Tài khoản sử dụng.

Các tài khoản có liên quan được sử dụng trong hạch toán tỷ giá ngoại tệ là:

- TK 515 : Thu nhập từ hoạt động tài chính
- TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính.
- TK 413 : Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

### ***c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.***

❖ Kế toán biến động tăng, giảm ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư XDCB của doanh nghiệp đang hoạt động).

#### • **Tăng do mua ngoại tệ hoặc đi vay ngắn – dài hạn.**

Nợ TK 111 (1112) : Số ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá giao dịch  
Có TK 1111, 1121, 331: Số tiền chi mua thực tế theo tỷ giá giao dịch  
Có TK 311, 341 : Số tiền vay theo tỷ giá giao dịch

Đồng thời ghi Nợ TK 007

#### • **Bán hàng thu bằng ngoại tệ.**

Nợ TK 1112, 1122, 131, 136: Tổng giá thanh toán	Tỷ giá giao dịch
Có TK 511, 512 : Doanh thu chưa có VAT	
Có TK 3331 : Thuế VAT đầu ra	

Đồng thời ghi Nợ TK 007

• **Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ (phải thu khách hàng, phải thu nội bộ...)**

- Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá:

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122) : Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ TGHD)

Có TK 131, 136, 138 : Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán.

Đồng thời ghi Nợ TK 007

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch.

Có TK 515 : Doanh thu hũ tài chính (Lãi TGHD)

Có TK 131, 136, 138 : Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán.

Đồng thời ghi Nợ TK 007.

• **Giảm do xuất bán ngoại tệ.**

- Bán có lãi:

Nợ TK 1111, 1121, 131, 136 : Tỷ giá thực tế bán (tỷ giá giao dịch)

Có TK 1112, 1122 : Tỷ giá xuất

Có TK 515 : Nếu tỷ giá thực tế bán > tỷ giá xuất

- Bán bị lỗ:

Nợ TK 1111, 1121, 131, 136 : Tỷ giá thực tế bán

Nợ TK 635 : Số lỗ

Có TK 1112, 1122 : Tỷ giá xuất

Đồng thời ghi Có TK 007

• **Mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ và các dịch vụ khác trả ngay bằng ngoại tệ.**

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái:

Nợ TK 152, 153, 155, 211, 213, 241, 627, 641, 133...: Theo tỷ giá giao dịch

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 111 (1112), 112 (1122) : Theo tỷ giá xuất

Đồng thời ghi Có TK 007

- Nếu phát sinh lãi TGHD:

Nợ TK 152, 153, 155, 211, 213, 627, 641, 133...: Theo tỷ giá giao dịch

Có TK 111 (1112), 112 (1122) : Theo tỷ giá xuất

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Có TK 007

• **Mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ chưa thanh toán (ghi nhận nợ theo ngoại tệ)**

Nợ TK 152, 153, 156, 211, 133 : Theo tỷ giá giao dịch

Có TK 331 : Theo tỷ giá giao dịch

• **Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ (nợ phải trả người bán, nợ vay ngắn hạn, dài hạn, nợ nội bộ (nếu có)...)**

- Nếu phát sinh lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341,... : Tỷ giá ghi nhận nợ

Nợ TK 635 : Lỗi tỷ giá

Có TK 111 (1112), 112 (1122) : Tỷ giá xuất

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch TGHD:

Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341,... : Tỷ giá ghi nhận nợ

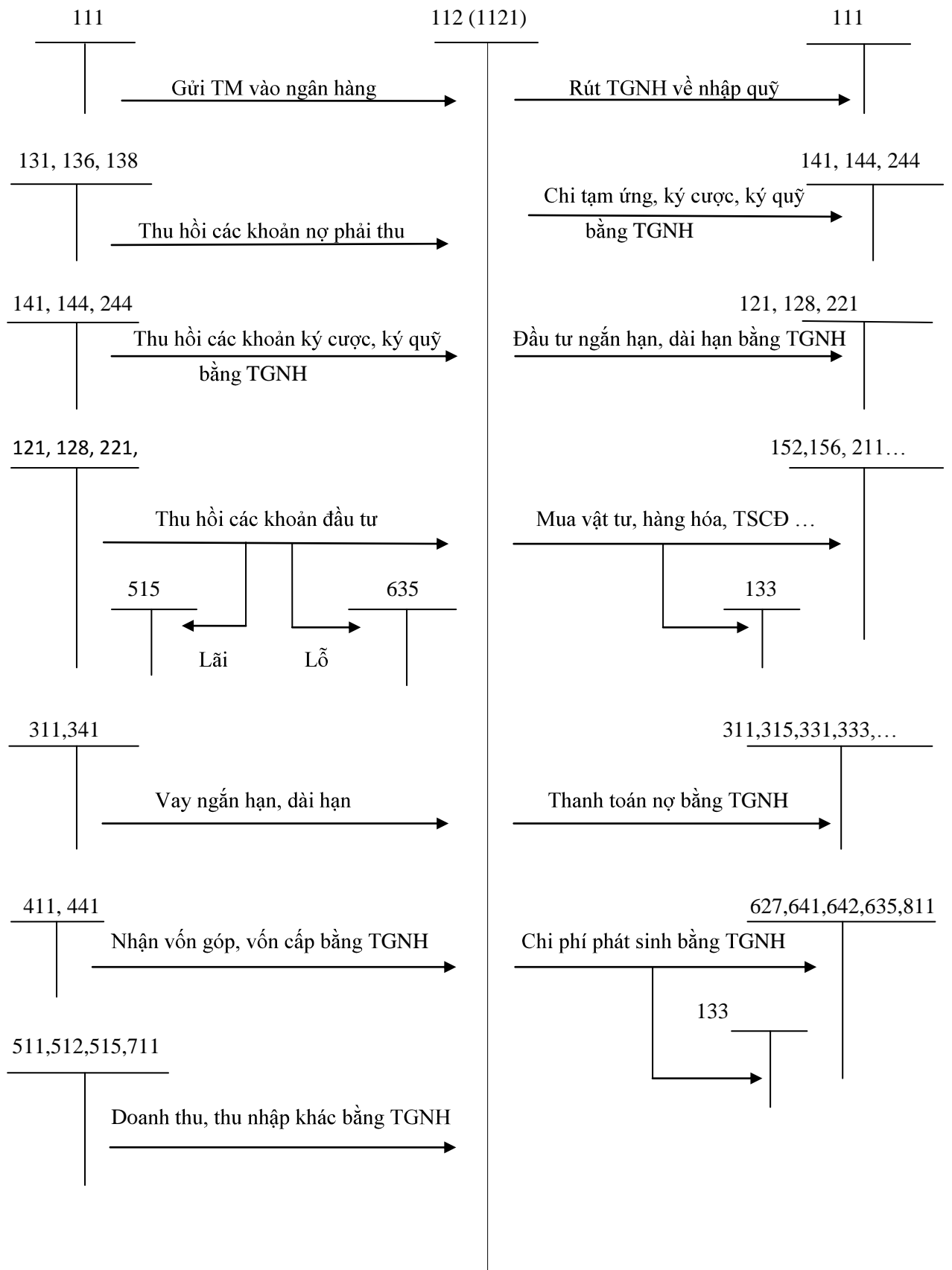
Có TK 111 (1112), 112 (1122) : Tỷ giá xuất

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Có TK 007

***c. Trình tự hạch toán tiền gửi tại Ngân hàng.***

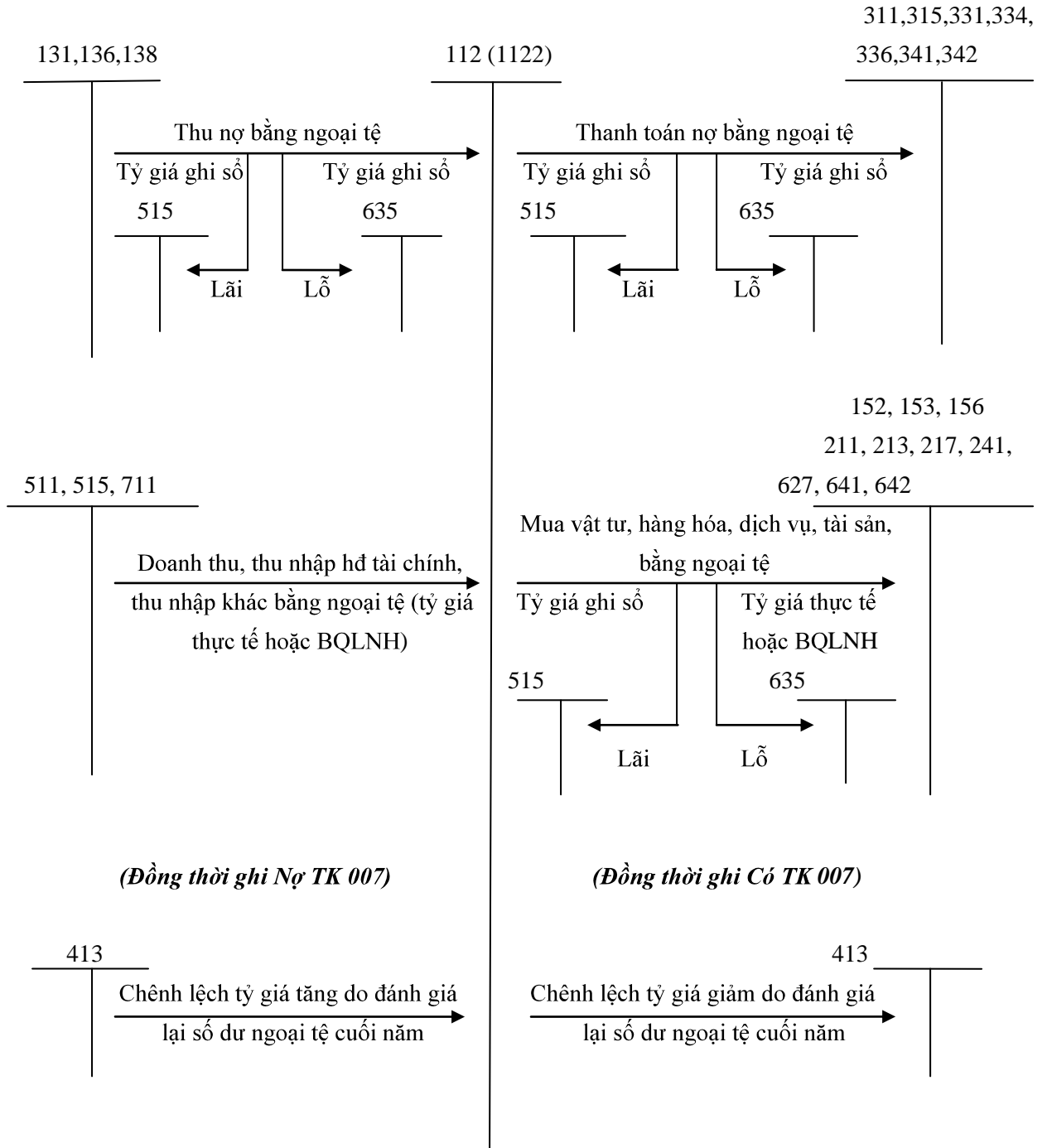
**SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VND)**





Việc thực hiện quy đổi ngoại tệ tại Ngân hàng sang đồng Việt Nam được thực hiện tương tự như đồng ngoại tệ tại quỹ.

**KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG – NGOẠI TỆ**  
**(Giai đoạn doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh)**



### 1.3.4 Kế toán tiền đang chuyển.

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang ở trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước).
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ký cho các hình thức thanh toán séc báo chi, séc chuyển tiền, ...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua Ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện kịp thời sai lệch nếu có.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với Ngân hàng.

#### *a. Chứng từ sử dụng.*

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc.
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

#### *b. Tài khoản sử dụng.*

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tía khoản 113 – “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này:

**TK 113**

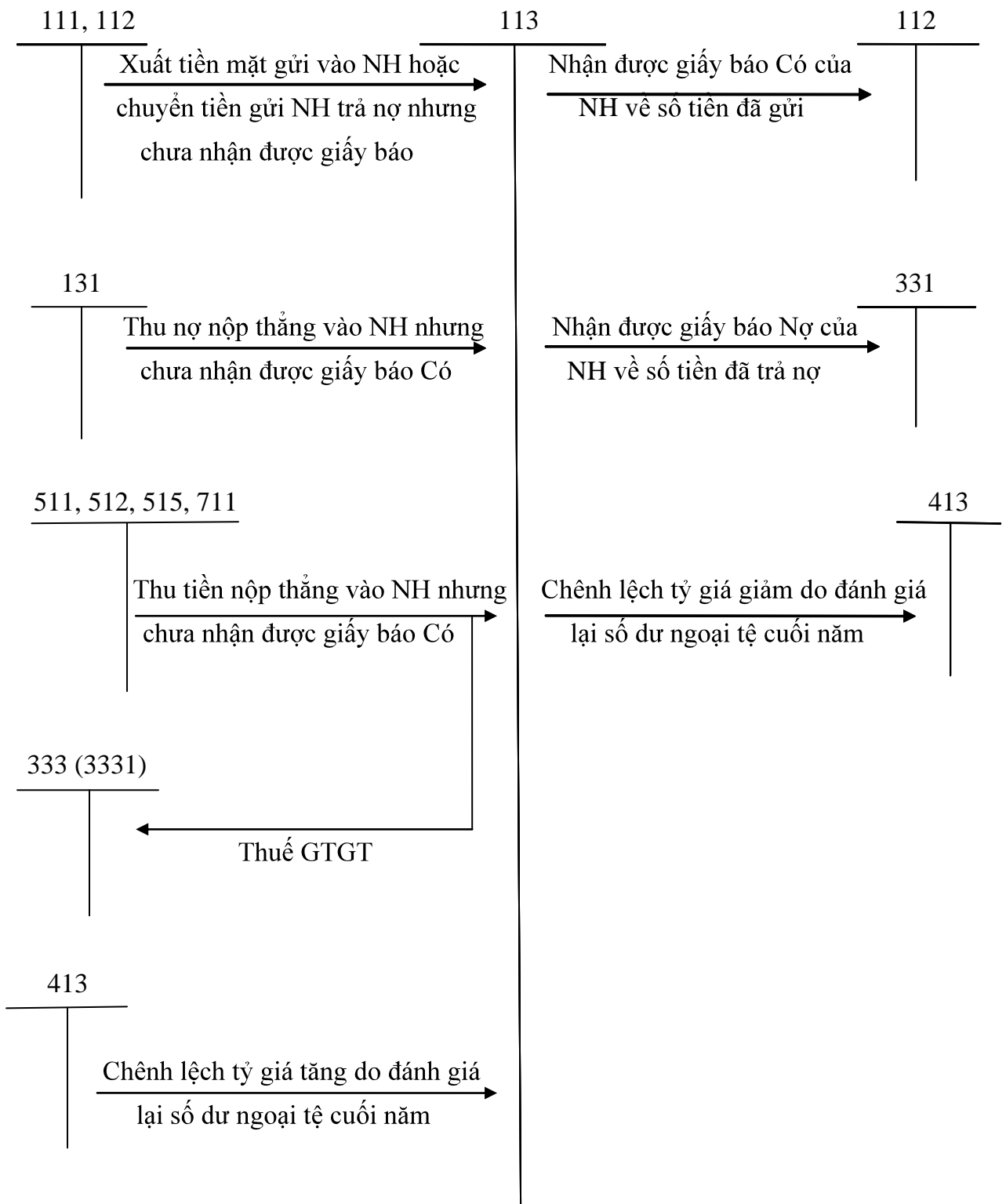
<b>Bên Nợ</b>	<b>Bên Có</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền VN, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào NH nhưng chưa nhận được giấy báo Có.</li><li>- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Số kết chuyển vào TK 112 hoặc các TK có liên quan.</li><li>- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.</li></ul>
<p style="text-align: center;"><b>Số dư Nợ</b></p> <p>Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.</p>	

Tài khoản 113 có 2 tài khoản cấp hai:

- TK 1131 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- TK 1132 – Ngoại tệ : Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

*c. Trình tự hạch toán.*

**SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN**



## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG ĐẠO CONTAINER CHI NHÁNH HẢI PHÒNG.

#### **2.1 Khái quát chung về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container.**

- Tên công ty.
  - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container.
  - Tên tiếng Anh: Hung Dao Container Joint Company.
  - Tên giao dịch: Hưng Đạo Container.
  - Tên viết tắt: Hưng Đạo Container.
- Địa chỉ: 62 Nguyễn Cửu Vân – P.17 – Q.Bình Thạnh – TP. Hồ Chí Minh.
- Website: [www.HungDaoContainer.com.vn](http://www.HungDaoContainer.com.vn)

Công ty CP Hưng Đạo Container được thành lập năm 1994 (trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh) với mức vốn điều lệ ban đầu là 12,5 tỷ đồng, đến năm 2008 công ty đã tăng vốn điều lệ lên hơn 43 tỷ đồng. Trải qua 15 năm công ty đã mở rộng mạng lưới các chi nhánh khắp 3 miền Bắc – Trung – Nam tại các tỉnh thành như: Hà Nội, Đà Nẵng, Quy Nhơn với ngành nghề kinh doanh chính là: bốc xếp, vận tải hàng hóa bằng container và sửa chữa thùng container; sản xuất container khô và lạnh các loại; đại lý kí gửi hàng hóa, đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa trong và ngoài nước; mua bán container và vật tư phụ tùng; ...

Ngoài việc được chứng nhận là công ty đầu tiên tại Việt Nam có nhà máy sản xuất container, công ty còn thực hiện cung cấp các dịch vụ liên quan như dịch vụ lưu bãi; dịch vụ sửa chữa container; dịch vụ PTI container lạnh; dịch vụ container treo (dùng cho đóng hàng may mặc); dịch vụ vận chuyển container; sửa chữa, mua bán xe cơ giới và phụ tùng các loại, các thiết bị vận tải và thiết bị chuyên dùng.

Lợi nhuận của Công ty được chia đều cho hai lĩnh vực hoạt động là sản xuất container và cung cấp dịch vụ Depot Container.

Với dây chuyền sản xuất container trên công nghệ hiện đại, nguyên liệu đều được nhập từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, những chiếc container công ty Hưng Đạo sản xuất phải trải qua những kiểm tra nghiêm ngặt của tổ chức đăng kiểm quốc tế Germanischer Lloyd, nên được các nhà vận tải trong cũng như ngoài nước biết đến và tin dùng.

### **2.2 Thuận lợi, khó khăn và những thành tựu mà Công ty cổ Phần Hưng Đạo Container đã đạt được.**

Trong suốt 15 năm xây dựng và phát triển công ty đã xây dựng được một nền tảng vững chắc, có uy tín lớn không chỉ ở thị trường trong nước mà còn ở nước ngoài. Công ty không ngừng hoàn thiện mình như đổi mới công nghệ, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của khách hàng, nâng cao chất lượng sản xuất cũng như cung cấp dịch vụ, bên cạnh đó còn nhận được sự giúp đỡ về mặt công nghệ sản xuất và kỹ thuật của các đối tác trên thế giới, đặc biệt là của Đức. Chính vì vậy mà công ty đã ký được nhiều hợp đồng với các hãng tàu lớn như: Missui, Kalai của Nhật Bản; Huyndai (Hàn Quốc).

Năm 2007 công ty xây dựng 3 Depot ở Đà Nẵng, Quy Nhơn, Hà Nội, nhận Chứng chỉ ISO 9001: 2000 do Bureau Veritas Certification công nhận; tháng 1 năm 2009 nhận Huy chương “Nhà cung cấp đáng tin cậy năm 2009” tại Việt Nam.

Tháng 11/2009 công ty CP Hưng Đạo Container đã kỉ niệm 15 năm thành lập bằng việc đăng ký giao dịch và trở thành Đơn vị thứ 24 trên sàn UPCOM – Hà Nội với số lượng 4.304.672 cổ phiếu .

Tuy vậy, Hưng Đạo Container cũng phải đối mặt với không ít khó khăn do tình hình chung của kinh tế thế giới. Cuộc khủng hoảng kinh tế vào cuối năm 2008, đầu năm 2009 khiến cho doanh thu của công ty ít nhiều bị ảnh hưởng. Hơn nữa, cũng phải cạnh tranh gay gắt với Trung Quốc vốn đã rất mạnh về lĩnh vực sản xuất container. Nhưng với đội ngũ những lãnh đạo trẻ tuổi, những kĩ sư nhiều kinh nghiệm được đào tạo bài bản ở nước ngoài, và bề dày 15 năm hoạt động, Hưng Đạo container luôn coi những yếu tố đó đã và sẽ là những thách thức cũng như thuận lợi với công ty trong kế hoạch phát triển sắp đến.

### **2.3 Giới thiệu chung về tình hình của chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo container tại Hải Phòng.**

Tên công ty: Chi nhánh Công ty Hưng Đạo Container tại Hải Phòng.

Địa chỉ: Lô 26 – Khu Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Q.Hải An – Hải Phòng.

Điện thoại : (031)3765.575

Fax : (031)3629.474

Vốn điều lệ: 10.000.000.000

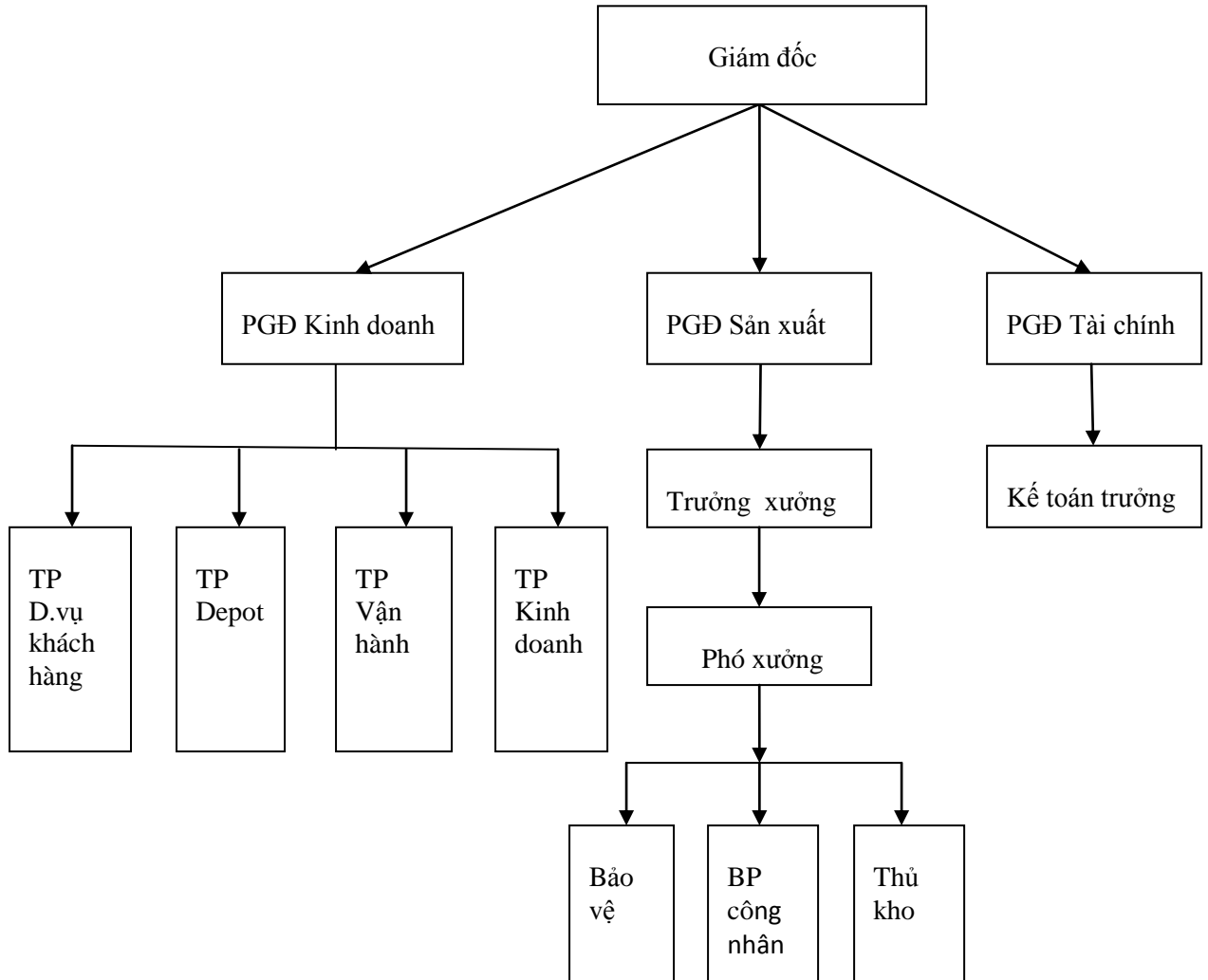
Mã số thuế: 0301411035003

Chi nhánh công ty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203010022. Ngày 24 tháng 04 năm 2001 và giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2008 của sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp.

Được thành lập năm 2001, đến nay Hưng Đạo Container tại Hải Phòng ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ về container. Năm 2009 Công ty Hưng Đạo Container chi nhánh Hải Phòng đóng góp 1.487.018.165đ vào tổng lợi nhuận của Tổng công ty, tăng gấp 3 lần so với năm 2008 (463.032.633).

Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của công ty theo một mô hình trực tuyến chức năng: Giám đốc giám sát mọi hoạt động của công ty; các phó giám đốc trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động của công ty thông qua các phòng ban chức năng. Cụ thể như sau:

Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty.



- Giám đốc công ty: Giám đốc là người đứng đầu công ty có vai trò quan sát lãnh đạo toàn bộ công ty bằng cách thông qua nhân viên cấp dưới như trưởng phòng, quản đốc, tổ trưởng ...Ngoài ra giám đốc còn phụ trách các hợp đồng và chịu trách nhiệm ký các hợp đồng kinh tế.

- Phó giám đốc kinh doanh: chịu trách nhiệm về quản lý, giám sát phòng DV khách hàng, phòng kinh doanh, vận hành, depot. Đề ra các chiến lược kinh doanh cho công ty.

- Phó giám đốc sản xuất: giám sát mọi hoạt động sản xuất, giám sát công việc thông qua trưởng xưởng.

- Phó giám đốc tài chính: Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo quý, tháng, năm, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết cho giám đốc công ty, thực hiện hạch toán theo quy định của Nhà nước và Điều lệ công ty.

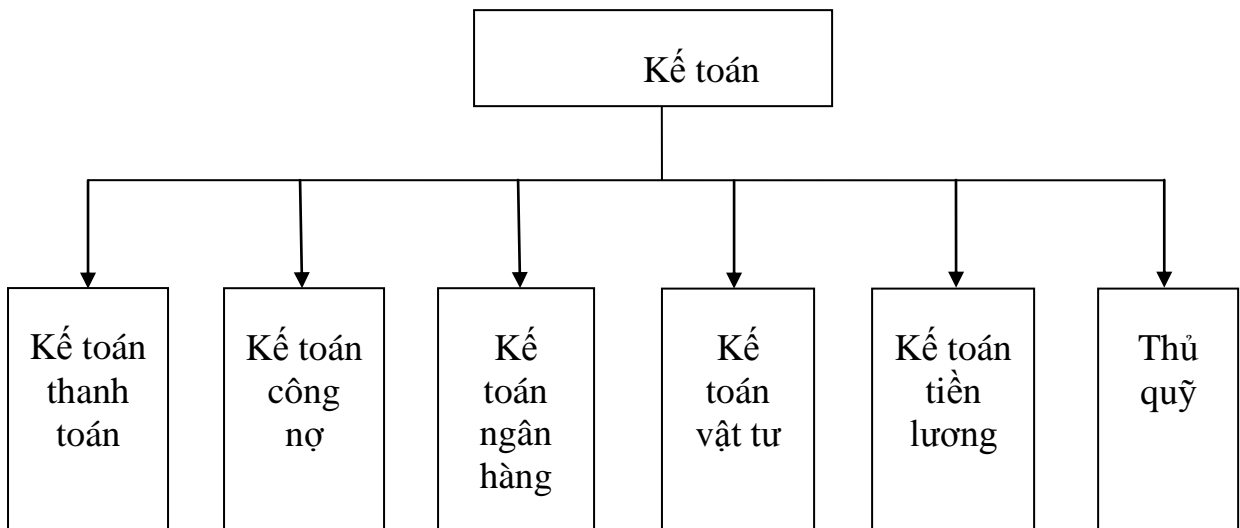


**2.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP Hưng Đạo container – Chi nhánh Hải Phòng.**

**2.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty.**

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn gàng, có hiệu quả nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán. Các phần hành kế toán ở đơn vị trực thuộc hạch toán một cách độc lập nhau dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng. Sau đó, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được gửi về phòng tài chính để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán. Hình thức này thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo của ban lãnh đạo công ty đối với mọi hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

*Sơ đồ 1.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán*



- Kế toán trưởng : kiểm tra, giám sát việc thu chi của công ty. Tổ chức bộ máy tài chính kế toán, phân cấp, chỉ đạo các nhân viên trong phòng tài vụ đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và của công ty) và là người tổng kết, tổng hợp sổ sách báo cáo tài chính, báo cáo thuế vào cuối niên độ.

- Kế toán công nợ: chịu trách nhiệm theo dõi công nợ với khách hàng, các nhà cung cấp và thầu phụ. Mở sổ theo dõi các khoản thanh toán lương và trích lập theo lương, thanh quyết toán tạm ứng của cán bộ công nhân viên và các khoản phải thu nội bộ khác. Cập nhật, báo cáo số liệu các khoản phải thu, đã thu; kế hoạch thanh toán hàng ngày các khoản phải trả.

- Kế toán thanh toán: Kiểm tra, kiểm soát các chứng từ mua vật tư của các đơn vị trong công ty, tính hợp lý của chứng từ trước khi trình kế toán trưởng ký duyệt.

- Kế toán ngân hàng: theo dõi các khoản tài chính liên quan đến ngân hàng, trực thuộc giao dịch với ngân hàng, rút tiền mặt, gửi tiền vào ngân hàng, giúp kế toán trưởng trong việc mở L/C, lập hồ sơ mở L/C.

- Kế toán vật tư: chịu trách nhiệm về các loại vật tư, nguyên vật liệu của công ty, mua về nhập kho hay xuất kho cho bộ phận sản xuất.

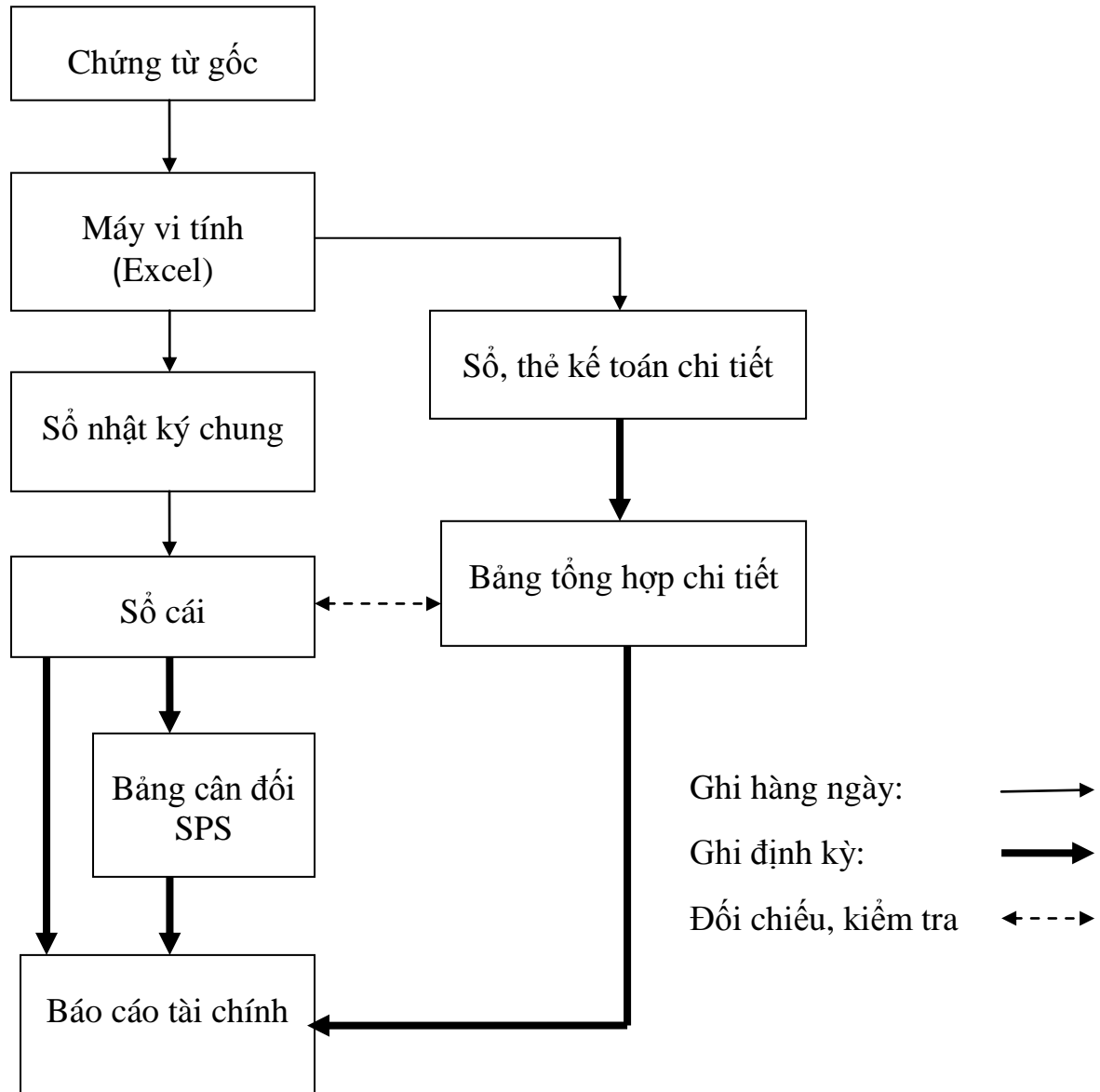
- Kế toán tiền lương: Chấm công, tính toán lương, và các khoản trích bảo hiểm, tổng hợp lương toàn công ty.

### **2.4.2 Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ.**

Do bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung nên mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng tài chính để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ, tính thuế VAT theo phương pháp khấu trừ và áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng để tính giá trị hao mòn của tài sản cố định. Công tác kế toán tại công ty được thực hiện toàn bộ trên máy vi tính (phần hành Excel).

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ tài chính, niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Công ty Hưng Đạo Container tại Hải Phòng áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ và hạch toán độc lập với tổng công ty.

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán theo hình thức Nhật ký chung.



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào máy vi tính để thực hiện tính toán, đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, quý, năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

### **2.5 Thực trạng công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh Công ty cổ phần Hưng Đạo container tại Hải Phòng.**

Kế toán vốn bằng tiền là phần hành không thể thiếu được đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó là công cụ điều chỉnh, quản lý và sử dụng vật tư tài sản. Nó đảm bảo quyền tự chủ tài chính của công ty, kế toán vốn bằng tiền giúp công ty xác định mức vốn cần thiết quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh. Đảm bảo cho các nhu cầu chi trả thanh toán thường xuyên, hàng ngày và đảm bảo cho các hoạt động sx kinh doanh diễn ra liên tục.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh công ty phải thường xuyên sử dụng các loại vốn bằng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán giữa công ty với các đối tượng trong môi quan hệ mua bán vật tư, hàng hóa, cung cấp lao vụ, dịch vụ; các khoản thuế phải nộp; tiền lương, bảo hiểm; thanh toán nội bộ trong công ty và các khoản chi phí khác bằng tiền.

Vốn bằng tiền hiện có của Công ty bao gồm: Tiền mặt tại quỹ (tiền VND); tiền gửi tại Ngân hàng (tiền VND, tiền USD). Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi các khoản tiền này.

#### **2.5.1 Nội dung phản ánh các khoản vốn bằng tiền.**

##### **2.5.1.1 Kế toán tiền mặt.**

Tiền mặt trong quỹ của công ty được bảo quản trong tủ sắt, đủ điều kiện an toàn, chống mất cắp, chống thất thoát quỹ.

Mọi nghiệp vụ thu, chi tiền mặt đều căn cứ vào chứng từ thu, chi hợp lệ.

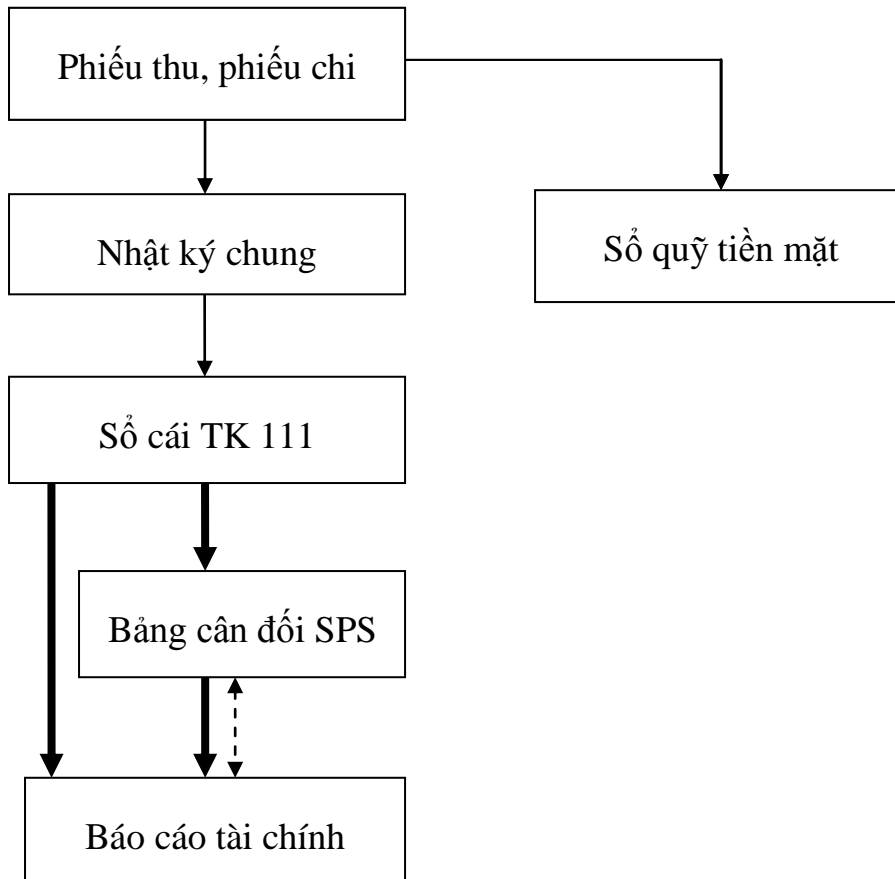
Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày hoặc định kỳ phải kiểm kê tiền mặt thực tế đối chiếu với số dư trên sổ quỹ để đảm bảo sự phù hợp giữa số dư trên sổ quỹ với tiền mặt thực tế tồn quỹ.

Chứng từ sử dụng: Phiếu thu, phiếu chi, bảng kiểm kê quỹ, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, ...

Sổ sách sử dụng: Sổ quỹ tiền mặt, sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt, sổ Nhật ký chung, sổ cái, ...

**2.5.1.2 Trình tự hạch toán kế toán tiền mặt.**

Sơ đồ: Quy trình ghi sổ kế toán tiền mặt:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ  $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Từ chứng từ gốc (Phiếu thu, phiếu chi), thủ quỹ vào sổ quỹ tiền mặt, kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ gốc. Sau đó, kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung, rồi từ Nhật ký chung vào sổ cái. Cuối tháng, khóa sổ tính ra tổng số tiền phát sinh Nợ, phát sinh Có và số dư trên sổ cái tài khoản 111. Căn cứ vào sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số dư bên Nợ và tổng số dư bên Có của tài khoản 111 trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của tài khoản 111 trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của tài khoản này trên sổ cái. Cuối cùng, lập Báo cáo tài chính.

**Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh:**

**VD1:** Phiếu thu số 492, ngày 05/12/2009: Công ty Thịnh Đạt thanh toán tiền thuê container tháng 11/2009. Tổng tiền thanh toán: 15.000.000

+ Định khoản:

Nợ TK 111 :15.000.000

Có TK 131: 15.000.000

**VD2:** Phiếu chi số 580, ngày 01/12/2009: Trả tiền mua gỗ ván thông cho công ty TNHH Hiền Tam. Số tiền 19.800.000, đã có thuế GTGT 10%

+ Định khoản:

Nợ TK 152 :18.000.000

Nợ TK 133 :1.800.000

Có TK 111 :19.800.000

**VD3:** Phiếu chi số 589, ngày 08/ 12/ 2009: Tạm ứng cho lái xe Phạm Văn Lộ tiền sửa chữa xe ô tô Innova, số tiền: 2.000.000

+ Định khoản

Nợ TK 141 : 2.000.000

Có TK 111: 2.000.000

**Công ty CP Hưng Đạo Container**

**Mẫu số 03 - TT**

**Chi nhánh Hải Phòng**

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

*Ngày 08 tháng 12 năm 2009*

Kính gửi: Công ty CP Hưng Đạo container – CN Hải Phòng

Tên tôi là: Phạm Văn Lộ

Địa chỉ: Lái xe công ty.

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: 2.000.000 (viết bằng chữ): *Hai triệu đồng*

Lý do tạm ứng: *Đề sửa chữa xe ô tô Innova.*

Giám đốc	Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận	Người đề nghị tạm ứng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Công ty CP Hưng Đạo Container**

**Chi nhánh Hải Phòng**

**Mẫu số 03 - TT**

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

**PHIẾU THU**

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Số: 492

Nợ:.....

Có :.....

Họ tên người nộp tiền: Hòa Thu Hường

Địa chỉ: Công ty TNHH Thịnh Đạt

Lý do nộp: Trả tiền thuê container

Số tiền: 15.000.000 (Viết bằng chữ): *Mười lăm triệu đồng chẵn./.*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Người nộp tiền**

*(Ký, họ tên)*

**Người lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

**Thủ quỹ**

*(Ký, họ tên)*



**Công ty CP Hưng Đạo Container**

**Chi nhánh Hải Phòng**

**Mẫu số 03 - TT**

*Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC*

**PHIẾU CHI**

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

Số: 589

Nợ: .....

Có: .....

Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH TM Hiền Tam.

Địa chỉ: Khu Phú Xá – Đông Hải 1 – Hải An - HP.

Lý do chi: Mua gỗ ván thông.

Số tiền: 19.800.000

(Viết bằng chữ): *Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./.*

Kèm theo: 2 chứng từ gốc.

**Giám đốc**

**Kế toán**

**Thủ quỹ**

**Người lập phiếu**

**Người nhận tiền**

**trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		BT/2009B			
Liên 2: (Giao khách hàng)		0038979			
Ngày 01 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Công nghiệp và TM Hiền Tam					
Địa chỉ: Khu Phú Xá - Đông Hải 1 – Hải An – Hải Phòng					
MST: 0200904242					
Họ tên người mua hàng: Trần Ngọc Minh					
Tên đơn vị: CHI NHÁNH CTCP HƯNG ĐẠO CONTAINER HẢI PHÒNG					
Địa chỉ: Lô 26 – Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng					
Số tài khoản: .....					
Hình thức thanh toán: TM		MS: 0301411035003			
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Gỗ ván thông	$m^2$	300	60.000 đ	18.000.000
Cộng tiền hàng:				18.000.000	
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.800.000	
Tổng tiền thanh toán:				19.800.000	
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng chẵn./.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	

## Khóa luận tốt nghiệp

CHI NHÁNH CÔNG TY CP HÙNG ĐẠO

Mẫu số S03a- DNN

TẠI HẢI PHÒNG

Ban hành theo QĐ số

Lô 26 - Hạ Đoạn 2 - Đông Hải 2 - Hải An - HP

15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ gốc		Diễn giải	Đã ghi SC	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
SH	NT			Nợ	Có	
		.....				....
PC 580	01/12	Chi mua gỗ ván thông		152	111	18.000.000
		Thuế GTGT được k.trừ		133	111	1.800.000
PC 592	02/12	Mua sơn của Cty Đại Hoàng		152	111	34.700.000
		Thuế GTGT được k.trừ		133	111	3.470.000
PT 492	05/12	Thu tiền thuê cont của cty Thịnh Đạt		111	131	15.000.000
PC 589	08/12	Tạm ứng sửa xe ô tô		141	111	2.000.000
PT 495	09/12	Thu thuê cont/V.P		111	131	2.200.000
0082417	09/12	Doanh thu vc cont/Pico		131	115	30.000.000
0082417	09/12	Thuế GTGT phải nộp		131	331	1.500.000
PC 594	09/12	Chi tiền vé đi giao cont ở Nghệ An, Hà Nội		141	111	7.440.000
...		.....				.....
		<u>Cộng phát sinh</u>				<b>230.583.007.671</b>

# Khóa luận tốt nghiệp

CHI NHÁNH CÔNG TY CP HƯNG ĐẠO TẠI HẢI PHÒNG

Lô 26 - Hạ Đoạn 2 - Đông Hải 2 - Hải An - HP

## SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Ngày, tháng C.Từ	Số hiệu Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn
		Thu	Chi			Nợ	Có	
				Số dư đầu kỳ				<b>54.541.114</b>
				.....				
01/12	01/12		PC 581	Nộp thuế GTGT T08/09	3331		32.556.639	
				.....				
07/12	07/12	PT 498		Rút SGCT về nhập quỹ	1121CT	70.000.000		
				.....				
				<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>11.718.008.419</b>	<b>11.664.886.250</b>	<b>107.663.283</b>

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## SỔ CÁI

### Tài khoản 111 Tiền mặt

Năm 2009

CHI NHÁNH CÔNG TY CP HÙNG ĐẠO TẠI HẢI PHÒNG

Mẫu số S07a - DN

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				<b>54.541.114</b>	
01/12	PT580	01/12	Chi tiền mua gỗ ván thông			152		18.000.000
			Thuế GTGT được khấu trừ			133		1.800.000
02/12	PC590	02/12	Mua sơn của công ty Đại Hoàng			152		34.700.000
						133		3.470.000
			.....					
31/12	PT 549	31/12	Thu tiền bán cont Cty CP ĐT hạ tầng KD đô thị			511	129.090.000	
						3331	6.454.500	
			Cộng phát sinh				11.718.008.419	11.664.886.250
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>107.663.283</b>	

# Khóa luận tốt nghiệp

CN Cty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng  
Lô 26- Hạ Đoạn 2- Đông Hải 2- Hải An- Hải Phòng

Mẫu số S08a- TT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VND)

Hôm nay, vào 15 giờ 30 ngày 31/12/2009

Chúng tôi gồm :

- Ông Phan Minh Phương – Giám đốc (trưởng ban)
- Bà Trần Thị Thu – PGĐ.Tài chính (Ủy Viên)
- Bà Trần Thị Hường - Thủ quỹ (Ủy Viên)
- Bà Lương Thị Lượ – KT Thanh toán (Ủy Viên)

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, kết quả như sau:

TT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
	Số dư theo sổ quỹ		107.663.283
I	Số kiểm kê thực tế		107.665.000
	Trong đó:		
	Loại 500.000 đ	171	85.500.000
	Loại 200.000 đ	10	2.000.000
	Loại 100.000 đ	200	20.000.000
	Loại 50.000 đ	01	50.000
	Loại 20.000 đ	0	0
	Loại 10.000 đ	10	100.000
	Loại 5.000 đ	01	5.000
	Loại 2.000 đ	04	8.000
	Loại 1.000 đ	01	1.000

## Khóa luận tốt nghiệp

	Loại 500 đ	02	1.000
	Loại 200 đ	0	0
II	Chênh lệch (III=II-I)		1.717

- Lý do:

+ Thừa: 1.717 đồng (Ba trăm ba mươi hai đồng chẵn)

+ Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

- Tất cả đã thống nhất và đồng ý cùng ký vào biên bản kiểm kê.

- Biên bản kiểm kê hoàn thành lúc 17h ngày 31/12/2009 được lập 4 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

KT trưởng	Thủ quỹ	PGĐ Tài chính	Giám đốc
Bùi Thị Nguyệt	Trần Thị Hương	Trần Thị Thu	Phan Minh Phương

### 2.5.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng.

Khi nhận được giấy báo Nợ, giấy báo Có, kế toán ngân hàng kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo, nếu có chênh lệch giữa số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì phải thông báo cho Ngân hàng để đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời.

Hiện nay, công ty có tài khoản tại 3 ngân hàng và loại tiền giao dịch chủ yếu là tiền VND. Công ty sử dụng các tài khoản sau:

- + TK 1121ID: Tiền gửi ngân hàng Indovina Bank
- + TK 1121QD: Tiền gửi tại ngân hàng Quân đội
- + TK 1121CT: Tiền gửi tại ngân hàng Sài Gòn Công Thương.

Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng được kế toán phản ánh vào các tài khoản như sau:

- Các nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng: Kế toán dựa vào “Giấy báo Có” hoặc “Bảng sao kê” của ngân hàng và các chứng từ có liên quan để xác định nội dung thu, ghi:

- Nợ TK 1121: Tiền gửi ngân hàng tăng trong kỳ
- Có TK 511, 512: Doanh thu bán hàng
- Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp khấu trừ)
- Có TK 711: Thu nhập khác
- Có TK 111: Nộp tiền mặt vào ngân hàng
- Có TK 131, 136, 141: Thu hồi các khoản nợ
- Có TK 411: Nhận vốn kinh doanh

- Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng: kế toán dựa vào các “Giấy báo Nợ” hoặc “Bảng sao kê” của ngân hàng và các chứng từ có liên quan để xác định nội dung chi tiêu tiền gửi ngân hàng, từ đó xác định tài khoản ghi Nợ đối ứng với Có TK 112, ghi:

- Nợ TK 111: Rút TGNH về nhập quỹ
- Nợ TK 211, 212: Mua sắm TSCĐ
- Nợ TK 241: Chi cho công tác XD CB



Nợ TK 152: Mua nguyên vật liệu

Nợ Tk 133: Chi trả thuế GTGT đầu vào theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 311, 331, 334, 338, 341 ...: Thanh toán các khoản nợ phải trả

Có TK 1121: Sổ chi tiêu từ tiền gửi ngân hàng

- Lãi tiền gửi ngân hàng là doanh thu hoạt động tài chính (khi nhận được giấy báo Có), ghi:

Nợ TK 112

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

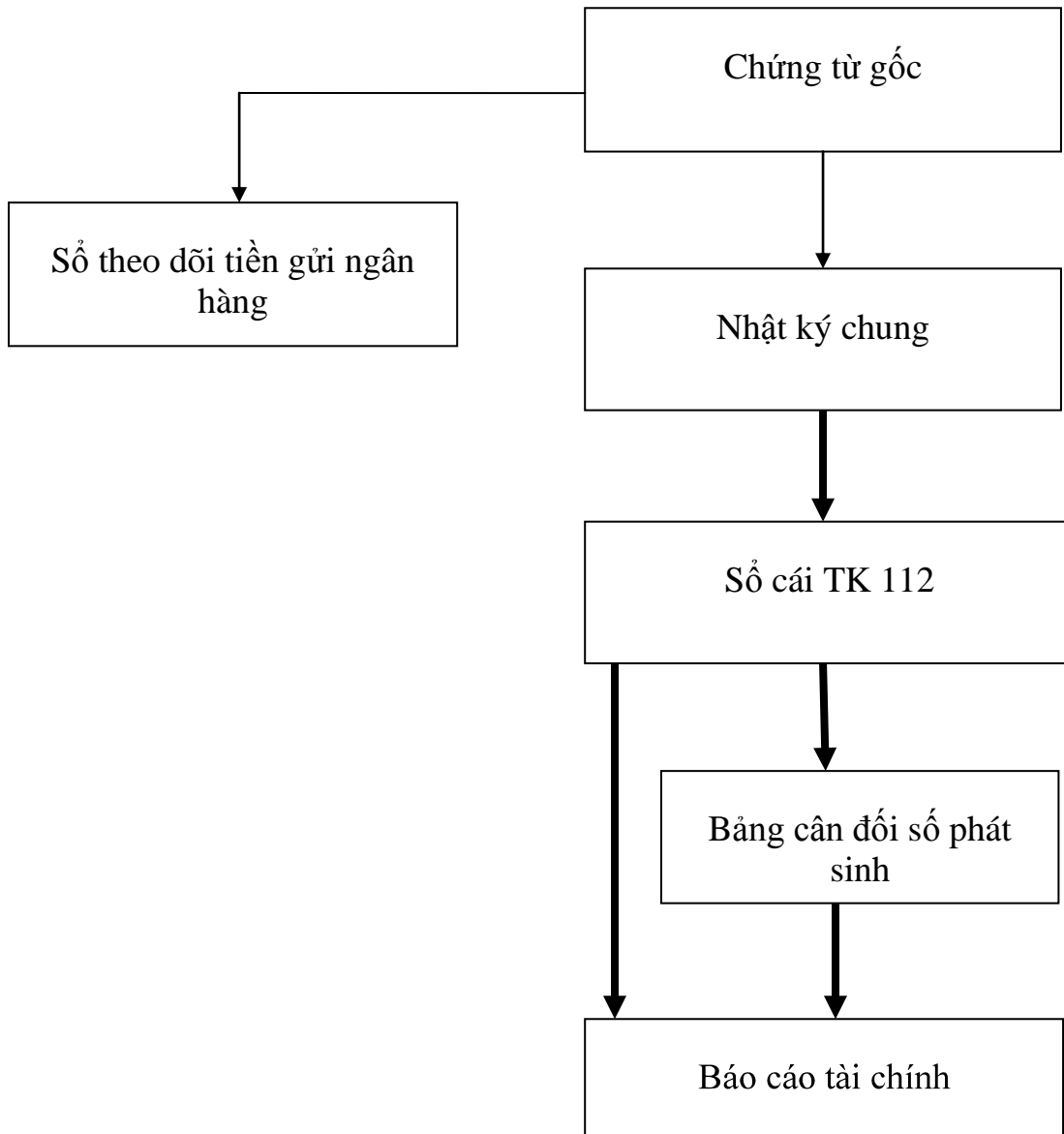
Sổ sách sử dụng: sổ cái, sổ chi tiết TK 112, sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến TGNH:

- + Giấy báo nợ, giấy báo có.
- + Sổ phụ của ngân hàng.
- + Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.
- + Biên bản thỏa thuận vay vốn.

**2.5.2.1 Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng.**

Sơ đồ luân chuyển chứng từ kế toán TGNH.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: →

Đối chiếu, kiểm tra: ←-----→

## Khóa luận tốt nghiệp

Trình tự ghi sổ: Từ chứng từ gốc (giấy báo nợ, giấy báo có ...), kế toán vào sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng. Sau đó kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung, mở sổ cái cho tài khoản 112. Cuối tháng, khóa sổ tính ra tổng số tiền phát sinh Nợ, phát sinh Có và số dư trên sổ cái TK 112. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối cùng, lập báo cáo tài chính.

### 2.5.2.2 Tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam.

#### a. Ví dụ minh họa kế toán nghiệp vụ làm giảm TGNH:

VD1: Ngày 11/12/2009, công ty thanh toán tiền mua sơn cho Cty TNHH Huy Toàn bằng tiền gửi ngân hàng, số tiền: 21.000.000.

- Kế toán lập Ủy nhiệm chi gửi cho ngân hàng Sài Gòn Công Thương.
- Ngân hàng sau khi nhận được Ủy nhiệm chi thì chuyển khoản theo số tiền trong đó đồng thời gửi cho công ty Sổ phụ VND kèm theo Giấy báo nợ.

NH SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG			
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG			
<b>SỔ PHỤ VND</b>		Số: 08	
		Ngày: 11/12/2009	
Tài khoản: 701270406000258			
CHI NHÁNH CTY CP HƯNG ĐẠO CONTAINER			
DIỄN GIẢI:		GHI NỢ	GHI CÓ
Trả tiền mua hàng	Số dư đầu ngày		40.456.000
	Tổng số phát sinh:	<b>21.000.000</b>	
	Số dư cuối ngày:		19.456.000
<b>SỔ PHỤ</b>		<b>KIỂM SOÁT</b>	

**Ngân hàng TMCP  
SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

**ỦY NHIỆM CHI** Số:  
**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN** Lập ngày: 11/12/2009

Đơn vị trả tiền: Chi nhánh Cty CP Hưng Đạo container  
Số tài khoản: 701270406000258  
Tại ngân hàng: TMCP SG Công Thương  
Tỉnh: Tp.Hải Phòng

Đơn vị nhận tiền: Cty TNHH Huy Toàn  
Địa chỉ: Số 4 – Ngô Quyền – Hải Phòng  
Số tài khoản: 701254406021857  
Tại ngân hàng: TMCP SG Công Thương  
Tỉnh: Tp.Hải Phòng

Phần do NH ghi
Nợ
Số hiệu NH A:
Có
Số hiệu NH B:
Loại nghiệp vụ:
Kí hiệu thống kê:

Nội dung thanh toán: Trả tiền mua hàng.

Số tiền bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng chẵn./.

**Số tiền: 21.000.000 VND**

**Đơn vị trả tiền**

**Ngân hàng A**

**Ngân hàng B**

Ghi sổ ngày 11/12/09

Ghi sổ ngày .....

Chủ tài khoản

Sổ phụ    Kiểm soát    GD

Sổ phụ    Kiểm soát    GD

**GIẤY BÁO NỢ**

Số NGTTHUYBT/16

Ngày 11/12/2009

**NH SGCT: CN HẢI PHÒNG**

MST: 0300610408022

Mã số KH: 000841596

Cty CP HÙNG ĐẠO CONTAINER - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số TK/Tên TK: 701270406000258

Mã giao dịch: RMDR - Giao dịch ghi nợ CK

Nội dung: Trả tiền mua hàng.

Số tiền bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng./.

Số tiền : **21.000.000VND**

Số dư : 891.280VND

Giao dịch viên

Kiểm soát

DMCUONGBT

DTNGUYETBT

**d. Kế toán nghiệp vụ làm tăng TGNH:**

**VD2:** Ngày 08/12/2009 Công ty cơ khí vận tải TM Đại Hưng trả nợ tiền mua cont 01\*40'VP theo hoá đơn GTGT số 0086036 ngày 20/11/2009 bằng chuyển khoản, số tiền 500.000.000 đồng.

- Kế toán lập Ủy nhiệm thu gửi cho ngân hàng Sài Gòn Công Thương.
- Ngân hàng sau khi nhận được Ủy nhiệm thu thì chuyển khoản theo số tiền trong đó đồng thời gửi cho công ty Sở phụ VND kèm theo Giấy báo Có.

<b>NH SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG</b>		
<b>CHI NHÁNH HẢI PHÒNG</b>		
<b>SỞ PHỤ VND</b>	Số: 06	
	Ngày: 08/12/2009	
Tài khoản: 701270406000258		
<b>CHI NHÁNH CTY CP HƯNG ĐẠO CONTAINER</b>		
<b>DIỄN GIẢI:</b>	<b>GHI NỢ</b>	<b>GHI CÓ</b>
Thu tiền khách hàng	Số dư đầu ngày	86.653.000
	Tổng số phát sinh: <b>500.000.000</b>	
	Số dư cuối ngày:	586.653.000
<b>SỞ PHỤ</b>	<b>KIỂM SOÁT</b>	

**Ngân hàng TMCP  
SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

**ỦY NHIỆM THU** Số:  
**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN** Lập ngày: 08/12/2009

Đơn vị trả tiền: Công ty CP cơ khí vận tải TM Đại Hưng  
Số tài khoản: 701270406000874  
Tại ngân hàng: TMCP SG Công Thương  
Tỉnh: Tp. Hải Phòng

Đơn vị nhận tiền: CN Công ty CP Hưng Đạo Container - HP  
Địa chỉ: Lô 26 – Hạ Đoạn – Đông Hải – Hải An - Hải Phòng  
Số tài khoản: 701254406021258  
Tại ngân hàng: TMCP SG Công Thương  
Tỉnh: Tp. Hải Phòng

Nội dung thanh toán: Trả tiền mua cont.

Số tiền bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn ./.

**Số tiền: 500.000.000 VND**

**Đơn vị trả tiền**

**Ngân hàng A**

**Ngân hàng B**

Ghi sổ ngày 08/12/09

Ghi sổ ngày .....

Chủ tài khoản

Sổ phụ    Kiểm soát    GD

Sổ phụ    Kiểm soát    GD

Phần do NH ghi
Nợ
Số hiệu NH A:
Có
Số hiệu NH B:
Loại nghiệp vụ:
Kí hiệu thống kê:

**GIẤY BÁO CÓ**

Số DMCUONGBT/14

Ngày 08/12/2009

**NH SGCT: CN HẢI PHÒNG**

MST: 0300610408022

Mã số KH: 00027896

Cty CP HÙNG ĐẠO CONTAINER - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số TK/Tên TK: 701270406000258

Mã giao dịch: RMDR - Giao dịch ghi có CK

Nội dung: Công ty CP cơ khí vận tải TM Đại Hưng thanh toán tiền mua cont.

Số tiền bằng chữ: Năm trăm triệu đồng./.

Số tiền: **500.000.000VND**

Số dư: 500.905.825VND

Giao dịch viên

Kiểm soát

DMCUONGBT

DTNGUYETBT



# Khóa luận tốt nghiệp

CHI NHÁNH CÔNG TY CP HÙNG ĐẠO

TẠI HẢI PHÒNG

Lô 26 - Hạ Đoạn 2 - Đông Hải 2 - Hải An - HP

Mẫu số S03a- DN

Ban hành theo QĐ số

15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

## NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ.ứng		Số phát sinh
	SH	NT		Nợ	Có	
			.....	Nợ	Có	...
05/01	NH	05/01	Thu tiền thuê cont/Chiline VN	1121ID	131c	3.300.000
...			...			...
11/12	NH	11/12	Trả tiền mua hàng	331	1121CT	21.000.000
25/12		25/12	Rút TGNH CT về nhập quỹ	111	1121CT	40.000.000
...			.....			.....
31/12	NH	31/12	Thu thuê cont/Lilama693	1121ID	131c	2.970.000
31/12	NH	31/12	Thu phí sửa cont/Vinatrans HP	1121ID	131	41.890.341
			<b>Cộng PS</b>			<b>230.583.007.671</b>

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên)

## Khóa luận tốt nghiệp

CHI NHÁNH CÔNG TY CP HƯNG ĐẠO

TẠI HẢI PHÒNG

Lô 26 - Hạ Đoạn 2 - Đông Hải 2 - Hải An - HP

**Mẫu số S03b- DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN 1121CT

Năm 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>				<b>2.704.474</b>	
			....			...		
30/01	PT46	30/01	Rút Indo nhập SGCT			1121ID	20.000.000	
...			.....			....		
31/12	CTNH	31/12	Thu tiền bán 01*20'VP/Công nghệ mới			131c	41.850.000	
31/12	CTNH	31/12	Rút SGCT về nhập quỹ			1111		70.000.000
			Cộng phát sinh				4.506.087.797	4.506.161.157
			<u>Số dư cuối năm</u>				<b>2.631.114</b>	

## Khóa luận tốt nghiệp

CHI NHÁNH CÔNG TY CP HÙNG ĐẠO  
TẠI HẢI PHÒNG  
Lô 26 - Hạ Đoạn 2 - Đông Hải 2 - Hải An - HP

**Mẫu số S03b- DN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN 1121ID

Năm 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>				<b>7.232.064</b>	
			....			...		
30/01	PT46	30/01	Rút Indo nhập SGCT			1121CT		20.000.000
...			.....			....		
31/12	NH	31/12	Trả tiền quảng cáo/Báo Xây Dựng			641		1.818.182
			Thuế GTGT được k.trừ			133		181.818
31/12	NH	31/12	Thu phí sửa cont/Vinatrans			131	41.890.341	
			Cộng phát sinh				26.661.228.768	26.613.309.161
			<u>Số dư cuối năm</u>				<b>55.151.671</b>	

## Khóa luận tốt nghiệp

CHI NHÁNH CÔNG TY CP HƯNG ĐẠO  
TẠI HẢI PHÒNG

**Mẫu số S03b- DNN**  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN 1121QD

Năm 2009

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>				<b>3.641.249</b>	
			....			...		
11/12	NH	11/12	Rút NH Quân Đội nộp NH Indo			1121ID		145.000.000
...			.....			....		
21/12	NH	21/12	Trả lương CBCNV T11/09			334		220.002.025
			Phí chuyển tiền			642		227.200
25/12	PT 538	25/12	Rút NH QĐ về nhập quỹ			111		40.000.000
			Cộng phát sinh				5.957.802.511	5.960.406.999
			<u>Số dư cuối năm</u>				<b>1.036.761</b>	

## Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào các sổ chi tiết tiền gửi theo từng Ngân hàng, kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng.

**Công ty CP Hưng Đạo Container chi nhánh Hải Phòng**

**Lô 26 – Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP**

### SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

*Năm 2009*

ĐVT: Đồng

Stt	Tên ngân hàng	Mã NH	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>
1	Indovina	1121ID	7.232.064		26.661.228.768	26.613.309.161	55.151.671	
2	Quân Đội	1121QD	3.641.249		5.957.802.511	5.960.406.999	1.036.761	
3	Sài Gòn CT	1121CT	2.704.474		4.506.087.797	4.506.161.157	2.631.114	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>13.668.787</b>		<b>37.125.119.076</b>	<b>37.079.877.327</b>	<b>58.819.546</b>	

### **2.5.2.3 Tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.**

#### **Nguyên tắc hạch toán.**

Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất đồng Việt Nam, hoặc đổi ra đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán về nguyên tắc doanh nghiệp phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Doanh nghiệp đồng thời phải theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết các tài khoản: Tiền mặt; tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản phải thu, các khoản phải trả vào tài khoản 007 – Ngoại tệ các loại.

Đối với các tài khoản thuộc loại doanh thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí khác, bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng đồng Việt Nam hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Đối với bên Có của tài khoản vốn bằng tiền khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng đồng Việt Nam hoặc bằng đồng ngoại tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán.

Đối với bên Có của các tài khoản nợ phải trả hoặc bên Nợ của các tài khoản nợ phải thu, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế phải được ghi sổ kế toán theo tỷ giá giao dịch, cuối năm tài chính, cuối năm tài chính số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Đối với bên Nợ của các tài khoản nợ phải trả hoặc bên Có của các tài khoản nợ phải thu khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng đồng Việt Nam hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán.

Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Trường hợp mua bán ngoại tệ bằng tiền Việt Nam thì hạch toán theo tỷ giá thực tế mua bán.

**Các tài khoản có liên quan được sử dụng trong hạch toán tỷ giá ngoại tệ là:**

- TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính.
- TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 413 : Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**Điều chỉnh tỷ giá vào cuối năm tài chính.**

Cuối năm tài chính, DN phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Cụ thể:

(1) - Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 111(2), 112(2), 131, 136, 138, 311, 315, 331, 341...

Có TK 4131 – Chênh lệch tỉ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính.

(2) - Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 4131 - Chênh lệch tỉ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính.

Có TK 111(2), 112(2), 131, 136, 138, 311, 315, 331, 341...

**2.5.3. Kế toán tiền đang chuyển tại Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container chi nhánh Hải Phòng.**

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ này.

## CHƯƠNG 3

### MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY HUNG ĐẠO CONTAINER CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

#### **3.1 Một số nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức sản xuất quản lý kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại Công ty.**

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập đến nay, Công ty đã phải trải qua biết bao những khó khăn, thử thách để tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm qua Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách, dần khẳng định vị thế của chính mình. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, làm việc của Công ty. Điều đó đã đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và góp phần không nhỏ vào Ngân sách Nhà nước.

Mặc dù nền kinh tế nói chung trong hai năm gần đây có những biến đổi đáng kể, sự giảm sút tăng trưởng đi kèm lạm phát cao trong năm 2008, đã khiến cho nhiều nước trên thế giới rơi vào tình trạng khủng hoảng, thất nghiệp, nhiều công ty bị phá sản hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh mang tính chất cầm chừng. Tuy nhiên, do công ty CP Hưng Đạo container đã hoạt động sản xuất trong một thời gian khá dài và định hướng được phương thức kinh doanh có hiệu quả nên đã đạt được những thành tựu nhất định trong năm 2009.

Trong những năm qua Công ty CP Hưng Đạo Container luôn quan tâm đến vấn đề nghiên cứu thị trường, tìm hiểu thấu đáo nhu cầu của khách hàng, cộng với các mạng lưới chi nhánh rộng khắp cả nước đã giúp Hưng Đạo container đáp ứng đòi hỏi chất lượng ngày càng cao của khách hàng và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường kinh doanh còn nhiều mới mẻ này.

Chi nhánh công ty CP Hưng Đạo container tại Hải Phòng đã tạo việc làm cho khoảng hơn 60 lao động thường xuyên; lao động thời vụ, công ty đang không ngừng



tuyển thêm những công nhân có tay nghề. Cán bộ công nhân viên trong công ty luôn nhận được sự khen thưởng, khích lệ xứng đáng bởi chính sách đãi ngộ của công ty. Điều này khuyến khích công nhân viên phát huy sáng tạo trong công việc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

### **3.2 Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng.**

Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường phải biết quan tâm đến công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp mình. Hạch toán kế toán với bản chất là hệ thống thông tin, kiểm tra tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp với chức năng thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm, đặc biệt là các nhà quản lý doanh nghiệp.

Qua thời gian nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng, em thấy công tác kế toán nói chung và hạch toán nghiệp vụ nói riêng được tổ chức tương đối phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

#### **3.2.1 Một số ưu điểm.**

**Về bộ máy kế toán:** Công ty lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán phân tán. Với mô hình này bộ máy kế toán được phân thành cấp kế toán trung tâm tại các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập. Tại các đơn vị này được thiết kế bộ sổ sách và nhân sự riêng để thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc đơn vị mình. Định kỳ lập báo cáo tài chính để gửi về trung tâm, phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo tài chính toàn doanh nghiệp.

Công ty tổ chức một cách hợp lý, hoạt động có nền nếp. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công tác ghi chép thừa để đạt được hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu chính xác.

**Về hình thức kế toán:** Hiện nay, Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất, đồng thời áp dụng hình thức tổ chức sổ kế toán “Nhật ký chung”. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, mỗi kế toán viên đều được phân công công việc rõ ràng.

Với việc tổ chức bộ máy kế toán hợp lý và lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của công tác kế toán cũng như công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

### **Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ.**

Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán Vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi Vốn bằng tiền, kế toán Vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra. Tổ chức hệ thống BCTC và Báo cáo thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

### **Việc quản lý và công tác hạch toán Vốn bằng tiền.**

Như đã phân tích rõ ở phần trước, trong công tác kế toán tại Công ty thì hạch toán Vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận thức rõ điều này, Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng Vốn bằng tiền.

- Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục, chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hóa tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng của Vốn bằng tiền.

- Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của Vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định và đã được chi tiết tối đa cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép Ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của Vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

- Sổ sách kế toán được lập ghi chép rõ ràng, rành mạch. Việc lưu trữ thông tin và lập sổ sách đã được thực hiện trên máy vi tính và chỉ in ra với sự lựa chọn đối với sổ sách cần thiết phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, quản lý. Nên doanh nghiệp đã trực tiếp giảm được một phần chi phí, đồng thời giảm được số lượng các chứng từ và sổ lưu trữ ở kho. Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của tiền mặt (TK 111), tiền gửi ngân hàng (TK 112) như: Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái các TK 111, TK112. Điều đó được thể hiện trong việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện cho việc theo dõi.

+ Hạch toán tiền mặt: Việc lập Sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các Phiếu thu, Phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu với Sổ quỹ được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác. Giúp phát hiện được những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời

+ Hạch toán tiền gửi ngân hàng: Việc lập Sổ tiền gửi ngân hàng căn cứ vào Giấy báo Nợ và Giấy báo Có cũng giúp cho kế toán theo dõi, quản lý lượng tiền gửi được tốt hơn.

### **3.2.2 Một số hạn chế còn tồn tại.**

Bên cạnh những ưu điểm trên, do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán Vốn bằng tiền nói riêng ở Công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần phải được nghiên cứu để khắc phục và hoàn thiện.

**Về chứng từ:** Công ty không sử dụng Bảng kê chi tiền, do đó không liệt kê được các khoản tiền đã chi để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi.

### **Không hạch toán tiền đang chuyển.**

Phạm vi hoạt động của Công ty khá rộng nên đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng chưa nhận được Giấy báo Có hay Bản sao kê của ngân hàng nhưng

hiện nay Công ty lại không sử dụng TK113 - Tiền đang chuyển để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

### **Về hình thức thanh toán.**

Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng không được sử dụng một cách triệt để, có nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ, điều này ảnh hưởng đến vấn đề an toàn tiền quỹ của Công ty. Mặt khác, lượng tiền mặt tồn quỹ quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

### **Về vấn đề quản lý tiền mặt.**

Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng số tiền mặt có tịa quỹ của đơn vị không ổn định, có lúc quá nhiều, có lúc lại quá ít. Điều này dễ gây nên những khó khăn cho Công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại.

### **Về vật chất, trang thiết bị.**

Hiện nay công ty sử dụng máy tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện trên phần mềm thông thường: Word; Excel chứ chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên công ty vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu, ...

## **3.3 Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Hưng Đạo container – Chi nhánh Hải Phòng.**

### **3.3.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện.**

Trong điều kiện môi trường mới, cùng sự tiến bộ không ngừng của Khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thời gian, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thế giới là một yêu cầu cần thiết để đứng vững và tồn tại trên thị trường, đòi hỏi mỗi cá nhân, mỗi tổ chức Doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì mình đạt được. Muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi mỗi doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần Hưng Đạo Container nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh chóng nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan

hệ buôn bán, hợp tác, trao đổi công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hoá dịch vụ, nhằm phục vụ nhu cầu người tiêu dùng.

Muốn làm được các Doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện mình. Trong các công cụ quản lý đó, kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất. Thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống kế toán: Chứng từ, tài khoản... để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản. Sự biến động của tài sản giúp cho nhà lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

### **3.3.2 Nguyên tắc hoàn thiện.**

Để đạt hiệu quả cao trong hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền phải dựa trên nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước, nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý. Vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

### **3.3.3 Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Hưng Đạo Container.**

Là sinh viên thực tập tại công ty, được sự giúp đỡ của các thầy cô và các anh chị nhân viên trong phòng kế toán, em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty.

### **- Hoàn thiện chứng từ.**

Kế toán vốn bằng tiền nên mở Bảng kê chi tiền nhằm mục đích liệt kê được các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán.

### **- Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển.**

Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về Vốn bằng tiền, kế toán tiền mặt nên mở TK113 - Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang chuyển trong những trường hợp sau: Thủ tục thanh toán, thủ tục chuyển tiền đã được thực hiện nhưng chưa nhận được Giấy báo Có, báo Nợ hay Bản sao kê của ngân hàng...

### **- Hoàn thiện hệ thống tài khoản.**

Hiện nay, công ty không ngừng đẩy mạnh mở rộng mối quan hệ không chỉ với các tổ chức trong nước mà cả với các tổ chức quốc tế. Do đó yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ rất quan trọng.

Công ty không có tài khoản 1112: “Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ” dùng để phản ánh tình hình tăng giảm ngoại tệ của đơn vị tại quỹ. Điều này đã gây nên không ít những khó khăn. Giả sử khi khách đến thanh toán bằng ngoại tệ thì đơn vị lại không thể nhập quỹ mà phải cử người đi đổi lấy đồng Việt Nam hoặc đem gửi vào tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ tại Ngân hàng. Việc này gây nên sự lãng phí thời gian và nhân lực. Vì vậy, theo em doanh nghiệp nên đăng ký sử dụng thêm tài khoản 1112 “Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ” để phục vụ cho việc SXKD được thuận lợi.

### **- Về hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt.**

Để khắc phục nhược điểm này, theo em công ty nên xây dựng một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể trong từng kỳ hạch toán căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền mặt trong kỳ. Định mức này có thể được xê dịch trong kỳ hạch toán, nhưng không được phép tăng quá cao hoặc quá thấp gây tình trạng bất ổn trong quỹ tiền mặt. Bên cạnh đó công ty cũng cần lập kế hoạch thu hồi và thanh toán công nợ sao cho số tiền sẽ phải trả nợ cũng như số tiền nợ sẽ thu hồi cân đối nhau, đảm bảo được nhu cầu thu – chi tiền mặt của công ty.

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh

lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với Sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê, trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi Sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch phải báo cáo Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ Ban kiểm kê quỹ phải lập Bảng kiểm kê quỹ thành hai bản:

- + Một bản lưu ở thủ quỹ
- + Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

### **- Về hình thức thanh toán.**

Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng nên sử dụng một cách triệt để, đối với những khoản tiền lớn nên thực hiện thanh toán qua ngân hàng, để đảm bảo vấn đề an toàn tiền quỹ của Công ty cũng như khả năng sinh lời của tiền.

### **- Về trang thiết bị.**

Công ty cần thay mới một số máy vi tính mới cho phòng kế toán để các nhân viên làm việc có hiệu quả hơn. Bên cạnh đó công ty cần xây dựng một chương trình kế toán thống nhất trên máy tính nhằm tự động hóa ở mức độ cao nhất công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền nói riêng.

## KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp kết hợp với kiến thức lý thuyết đã được học ở trường, em nhận thấy công tác kế toán Vốn bằng tiền vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn cao.

Để kế toán phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh với Ban lãnh đạo một cách chặt chẽ, toàn vẹn tài sản, tiền vốn của công ty ở mọi khâu của quá trình tái sản xuất nhằm cung cấp các thông tin chính xác và hợp lý phục vụ cho việc chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán của Công ty là một tất yếu, nhất là trong quá trình hội nhập như hiện nay. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được kiện toàn.

Khoá luận: “*Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng*” đã đề cập được một số vấn đề sau:

- Về mặt lý luận: Đã đưa ra được những vấn đề chung về Vốn bằng tiền và hạch toán kế toán Vốn bằng tiền, các phương pháp hạch toán Vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được việc tổ chức hạch toán kế toán Vốn bằng tiền của Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng và lấy số liệu năm 2009 để chứng minh.

Thông qua việc đối chiếu lý luận với thực tiễn và chế độ chính sách hiện hành. Bài khoá luận đã nêu ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng, các kiến nghị đều dựa trên cơ sở thực tế và đều mang tính khả thi, tuy nhiên chưa thể thoát khỏi màu sắc lý thuyết. Rất mong nhận được sự quan tâm, tham khảo của doanh nghiệp.

Do kiến thức thực tế chưa nhiều và thời gian thực tập còn hạn chế nên bài khoá luận của em còn nhiều hạn chế và không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính



## Khóa luận tốt nghiệp

---

mong nhận được sự góp ý của các cán bộ Công ty, của các anh chị trong phòng kế toán và sự chỉ dạy của các thầy cô để Khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban lãnh đạo Công ty CP Hưng Đạo Container – Chi nhánh Hải Phòng, cùng các anh chị cán bộ công nhân viên tại phòng kế toán đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu vừa qua. Các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh đặc biệt là giảng viên PGS.TS Thịnh Văn Vinh đã trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành bài Khóa luận này

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2010*

*Sinh viên*

Trần Lê Kiều Trinh